

HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP  
PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TỈNH AN GIANG



**SỔ TAY**  
**BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP**  
**LUẬT CHO ĐOÀN VIÊN, THANH,**  
**THIẾU NIÊN**



THÁNG 10 NĂM 2021

# LỜI NÓI ĐẦU

Những năm qua, lực lượng đoàn viên, thanh, thiếu niên An Giang đã có những cống hiến, đóng góp to lớn cho sự phát triển của tỉnh nhà. Lực lượng này đã tham gia tích cực trong công tác phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội; có nhiều sáng kiến hữu ích, nhiều mô hình khởi nghiệp thành công, góp phần không nhỏ cùng chính quyền địa phương xây dựng nông thôn mới... Tuy nhiên, bên cạnh những đoàn viên, thanh, thiếu niên tiên tiến có nhiều đóng góp cho xã hội thì một bộ phận vẫn còn chậm tiến, đã tham gia vào tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật.

Để góp phần tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật, phát huy đầy đủ tinh thần tự giác học tập, tìm hiểu pháp luật, xây dựng lối sống và làm việc theo pháp luật trong đoàn viên, thanh, thiếu niên, Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh An Giang biên soạn **“Sổ tay bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho đoàn viên, thanh, thiếu niên”**.

Sổ tay gồm hai phần:

- Phần I: Một số nội dung về Luật Thanh niên; Luật Phòng, chống HIV/AIDS.

- Phần II: Tình huống pháp luật liên quan đến các chuyên đề: Hình sự; An toàn giao thông; Dân sự; Phòng, chống tác hại của rượu, bia; Hôn nhân và gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình; Lao động; Phòng, chống dịch bệnh COVID-19.

Chúng tôi hy vọng cuốn Sổ tay này là tài liệu bổ ích, trang bị những kiến thức pháp luật cơ bản nhất đến bạn đọc, nhất là đội ngũ đoàn viên, thanh niên. Qua đó, sẽ góp phần đấu tranh đẩy lùi các loại tệ nạn xã hội, tránh xa thói hư tật xấu, góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong Nhân dân.

Trong quá trình biên soạn mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng chắc chắn không thể tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của bạn đọc về nội dung và hình thức của tài liệu này.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn Sổ tay đến bạn đọc!

**HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP  
PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT  
TỈNH AN GIANG**

**PHẦN I: LÝ THUYẾT**  
**CHUYÊN ĐỀ 1**  
**PHÁP LUẬT VỀ THANH NIÊN**

Luật Thanh niên năm 2020 được Quốc hội khoá XIV kỳ họp thứ 9 thông qua vào ngày 16/6/2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021. Theo đó, Luật được ban hành với những nội dung cơ bản như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT SỬA ĐỔI LUẬT**

Qua thực tiễn triển khai thi hành Luật Thanh niên năm 2005 cho thấy việc ban hành Luật Thanh niên đã tạo cơ sở pháp lý cho việc chăm lo, giáo dục, bồi dưỡng và phát huy thanh niên; tác động tích cực đối với phong trào thanh niên; đồng thời phát huy vai trò của tổ chức thanh niên, trong đó trung tâm là Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về thanh niên...

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình thực hiện Luật Thanh niên đã bộc lộ một số tồn tại và bất cập. Một số quy định của Luật khó áp dụng, thiếu đồng bộ với các chính sách khác, như chưa có sự rõ ràng về quyền và nghĩa vụ của thanh niên; quy định về trách nhiệm của Nhà nước còn chung chung, chưa cụ thể; thiếu nguồn lực thực hiện Luật.

Mặt khác, bối cảnh kinh tế - xã hội của đất nước và nhu cầu của thanh niên đã có nhiều thay đổi so với thời điểm thông qua Luật năm 2005, hệ thống pháp luật chuyên ngành đã được sửa đổi, bổ sung khá nhiều, tác động trực tiếp đến các chính sách dành cho thanh niên, đặc biệt là sau khi Quốc hội thông qua Hiến pháp năm 2013. Bên cạnh đó, trước yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, các chính sách, pháp luật đối với thanh niên cần phải tiếp tục đổi mới, hoàn thiện để đáp ứng bối cảnh hiện nay và tạo điều kiện cho thanh niên phát triển. Do đó, việc sửa đổi Luật Thanh niên năm 2005 là cần thiết.

**II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU**

Thanh niên là một lực lượng xã hội to lớn, nhằm tạo điều kiện cho thanh niên phát triển và phát huy vai trò xung kích, tình nguyện trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, từ năm 2005 Quốc hội khóa XI đã ban hành Luật Thanh niên với tư cách là văn bản luật chuyên biệt, quy định các vấn đề liên quan đến thanh niên, tạo hành lang pháp lý cho việc xây dựng và thực hiện các chính sách phát triển thanh niên.

Hiến pháp năm 2013 quy định quyền và nghĩa vụ cơ bản của thanh niên Việt Nam: *“Thanh niên được Nhà nước, gia đình và xã hội tạo điều kiện học tập, lao động, giải trí, phát triển thể lực, trí tuệ, bồi dưỡng đạo đức, truyền thống dân tộc, ý thức công dân; đi đầu trong công cuộc lao động sáng tạo và bảo vệ*

*Tổ quốc*”<sup>(1)</sup>. Việc quy định như vậy cho thấy Nhà nước rất coi trọng vai trò xung kích, đi đầu của thanh niên trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đây là nguyên tắc hiến định, có ý nghĩa nền tảng để các cơ quan có thẩm quyền xây dựng và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến thanh niên và công tác thanh niên.

Qua gần 15 năm thi hành Luật Thanh niên năm 2005 đã bộc lộ những hạn chế, bất cập, nhiều quy định chung chung, chưa tạo điều kiện mạnh mẽ cho thanh niên phát triển; chưa có các chế tài để bảo đảm thực hiện luật; quyền và nghĩa vụ của thanh niên chưa cụ thể, rõ ràng... Đặc biệt, Luật chỉ tập trung vào quy định kêu gọi và khuyến khích trách nhiệm của Nhà nước, gia đình, nhà trường, xã hội, mà không đề cập đến trách nhiệm, bổn phận của thanh niên đối với bản thân mình, đối với quốc gia, dân tộc...

Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về “*Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá*” đã đề ra nhiệm vụ sửa đổi, bổ sung Luật Thanh niên năm 2005. Vì vậy, xuất phát từ thực trạng của pháp luật về thanh niên và yêu cầu, bối cảnh chung hiện nay, việc sửa đổi Luật Thanh niên năm 2005 không chỉ dừng ở các chính sách của Nhà nước đối với thanh niên và trách nhiệm của Nhà nước, gia đình, nhà trường và xã hội đối với thanh niên, mà còn phải quy định rõ trách nhiệm của thanh niên đối với bản thân mình qua sự tu dưỡng, rèn luyện và học tập, trách nhiệm của thanh niên trong lập thân, lập nghiệp, trách nhiệm của thanh niên đối với gia đình, xã hội và Tổ quốc. Bên cạnh đó, cần xác định rõ vị trí và vai trò của tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (là tổ chức nòng cốt) và các tổ chức thanh niên khác trong sự nghiệp phát triển thanh niên. Cụ thể như sau:

1. Tiếp tục thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng về thanh niên và công tác thanh niên cũng như các quy định của Đảng và Nhà nước về xây dựng pháp luật.

2. Thể hiện đầy đủ các quy định của Hiến pháp năm 2013 và bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống các văn bản pháp luật hiện hành; quy định rõ trách nhiệm của thanh niên đối với sự tu dưỡng, rèn luyện và học tập, lập thân, lập nghiệp, đối với gia đình, xã hội và Tổ quốc.

3. Kế thừa các quy định của Luật Thanh niên năm 2005 còn phù hợp với điều kiện hiện nay; Bổ sung, sửa đổi các quy định khác cho phù hợp với bối cảnh, đặc điểm yêu cầu và xu hướng phát triển thanh niên hiện nay.

4. Bảo đảm phù hợp với xu thế quản lý và hoạt động của thanh niên trong thời kỳ hội nhập và toàn cầu hóa; Tham khảo thêm kinh nghiệm cũng như xu hướng trong xây dựng các chính sách về thanh niên ở các nước trên thế giới.

### **III. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN VÀ NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT THANH NIÊN**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

---

<sup>(1)</sup> Khoản 2, Điều 37.

a) Phạm vi điều chỉnh:

Luật này quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thanh niên; chính sách của Nhà nước đối với thanh niên; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức thanh niên, tổ chức khác, cơ sở giáo dục, gia đình và cá nhân đối với thanh niên; quản lý nhà nước về thanh niên.

b) Đối tượng áp dụng:

Luật này áp dụng đối với thanh niên; cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình và cá nhân.

## **2. Bộ cục của Luật Thanh niên:**

Luật Thanh niên gồm 7 chương, 41 điều (tăng 01 chương và 05 điều so với Luật Thanh niên năm 2005), cụ thể:

- Chương I: Quy định chung gồm 11 điều quy định: Thanh niên; phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; vai trò, quyền và nghĩa vụ của thanh niên; nguyên tắc bảo đảm thực hiện quyền, nghĩa vụ của thanh niên và chính sách của Nhà nước đối với thanh niên; nguồn lực thực hiện chính sách của Nhà nước đối với thanh niên; Ủy ban quốc gia về Thanh niên Việt Nam; hợp tác quốc tế về thanh niên; tháng Thanh niên; đối thoại với thanh niên và áp dụng điều ước quốc tế về quyền trẻ em đối với thanh niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.

- Chương II: Trách nhiệm của thanh niên gồm 04 điều quy định trách nhiệm của thanh niên đối với Tổ quốc; đối với Nhà nước và xã hội; đối với gia đình và đối với bản thân thanh niên.

- Chương III: Chính sách Nhà nước đối với thanh niên gồm 11 điều quy định 11 nhóm chính sách của Nhà nước đối với thanh niên. Trong đó, có 06 điều quy định chính sách theo lĩnh vực gồm: Chính sách về học tập và nghiên cứu khoa học; chính sách về lao động, việc làm; chính sách về khởi nghiệp; chính sách về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe; chính sách về văn hóa, thể dục, thể thao; chính sách về bảo vệ Tổ quốc và 05 điều quy định chính sách đối với một số nhóm đối tượng thanh niên, gồm: Chính sách đối với thanh niên xung phong; chính sách đối với thanh niên tình nguyện; chính sách đối với thanh niên có tài năng; chính sách đối với thanh niên dân tộc thiểu số và chính sách đối với thanh niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.

- Chương IV: Trách nhiệm của tổ chức thanh niên, gồm 04 điều quy định về trách nhiệm tổ chức thanh niên, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam, Hội sinh viên Việt Nam và về chính sách của Nhà nước đối với tổ chức thanh niên.

- Chương V: Gồm 04 điều quy định trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, cơ sở giáo dục, gia đình đối với thanh niên.

- Chương VI: Quản lý nhà nước về thanh niên, gồm 5 điều quy định nội dung quản lý nhà nước về thanh niên; trách nhiệm của Chính phủ; trách nhiệm của Bộ Nội vụ; trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ và trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

### 3. Những điểm mới của Luật Thanh niên năm 2020

**Thứ nhất**, không quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của thanh niên mà quy định vai trò, trách nhiệm của thanh niên.

Luật Thanh niên năm 2005 có 01 chương quy định 8 quyền, nghĩa vụ cơ bản của thanh niên nhưng thể hiện theo cách quyền và nghĩa vụ đi liền với nhau, vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ, các điều khoản thì chưa rõ ràng, còn chung chung. Trong khi đó, theo quy định của Hiến pháp và pháp luật, Thanh niên với tư cách là một công dân có các quyền và nghĩa vụ như một công dân.

Do đó, nhằm khắc phục nhược điểm của Luật Thanh niên năm 2005. Luật Thanh niên năm 2020 không quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của thanh niên theo từng lĩnh vực để tránh trùng lặp trong hệ thống pháp luật, mà chỉ dành 01 điều chung quy định về vai trò, quyền và nghĩa vụ của thanh niên (Điều 4);

Đồng thời, để nhấn mạnh trách nhiệm, sứ mệnh của thanh niên trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước trong tình hình mới, Chương II của Luật quy định trách nhiệm của thanh niên đối với Tổ quốc, Nhà nước, gia đình, xã hội và bản thân thanh niên để tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho thanh niên rèn luyện, tu dưỡng, phấn đấu và thực hiện trách nhiệm của mình đối với dân tộc, đất nước, xã hội, gia đình và đối với chính bản thân thanh niên như lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: *“Đâu cần thanh niên có, việc gì khó thanh niên làm”*<sup>(2)</sup>; *“Nhiệm vụ của thanh niên không phải là hỏi nước nhà đã cho mình những gì. Mà phải tự hỏi mình đã làm gì cho nước nhà? Mình phải làm thế nào cho ích lợi nước nhà nhiều hơn? Mình đã vì lợi ích nước nhà mà hy sinh phấn đấu chừng nào?”*<sup>(3)</sup>.

**Thứ hai**, quy định nguyên tắc bảo đảm thực hiện quyền, nghĩa vụ của thanh niên và chính sách của Nhà nước đối với thanh niên (Điều 5).

Tham khảo kinh nghiệm xây dựng pháp luật về thanh niên của một số quốc gia trên thế giới, cũng như một số luật của Việt Nam<sup>(4)</sup> cho thấy các luật đều có quy định mang tính nguyên tắc trong tổ chức, thực hiện pháp luật nói chung. Vì vậy, Luật Thanh niên năm 2020 quy định 01 điều mang tính nguyên tắc bảo đảm thực hiện quyền, nghĩa vụ của thanh niên và chính sách của Nhà nước đối với thanh niên. Trong đó, quy định các nguyên tắc nhằm bảo đảm sự bình đẳng của thanh niên về quyền, nghĩa vụ; không phân biệt dân tộc, giới tính, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ văn hoá, nghề nghiệp; trách nhiệm của nhà nước, tổ chức gia đình trong việc tạo điều kiện để thanh niên thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình; bảo đảm sự tham gia của thanh niên, tôn trọng thanh niên, lắng nghe thanh niên trong quá trình xây dựng và ban hành chính sách, pháp luật đối với thanh niên với mục tiêu phát triển thanh niên; hỗ trợ, tạo

<sup>(2)</sup> Bài nói chuyện tại Hội nghị cán bộ Đoàn thanh niên Lao động Việt Nam toàn miền Bắc ngày 22/9/1962.

<sup>(3)</sup> Bài nói chuyện với sinh viên và thanh niên trong Lễ khai mạc Trường Đại học Nhân dân Việt Nam ngày 19/11/1955.

<sup>(4)</sup> Điều 3 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự; Điều 6 Luật Bình đẳng giới 2006 quy định các nguyên tắc cơ bản về bình đẳng giới; Điều 2 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 quy định những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình.

điều kiện cho thanh niên Việt Nam ở nước ngoài tham gia các hoạt động hướng về Tổ quốc và giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc...

**Thứ ba**, quy định nguồn lực thực hiện chính sách của Nhà nước đối với thanh niên (Điều 6).

Luật Thanh niên năm 2005 không quy định nguồn lực thực hiện chính sách nhà nước đối với thanh niên nên không đảm bảo được nguồn lực để thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với thanh niên. Nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia trong khu vực và trên thế giới như Luật Thanh niên của Cộng hòa Serbia<sup>5</sup>; Luật Thanh niên Bungari<sup>6</sup>; Luật Thanh niên Latvia<sup>7</sup> cho thấy Luật Thanh niên của các nước này đều quy định về nguồn lực quốc gia dành cho việc thực hiện chính sách thanh niên. Vì vậy, Luật Thanh niên năm 2020 đã quy định Nhà nước bảo đảm nguồn lực để xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách đối với thanh niên theo quy định của pháp luật. Nguồn tài chính bảo đảm thực hiện chính sách đối với thanh niên gồm ngân sách nhà nước; các khoản ủng hộ, viện trợ, tài trợ và khoản đóng góp hợp pháp khác của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nước và nước ngoài. Đây là những căn cứ pháp lý quan trọng để các cơ quan có thẩm quyền bố trí đủ nguồn nhân lực cũng như nguồn kinh phí triển khai chính sách, pháp luật đối với thanh niên trong thời gian tới.

**Thứ tư**, quy định Tháng Thanh niên, Đối thoại với thanh niên (Điều 9, Điều 10).

Từ năm 2003, Đảng, Nhà nước đã lấy tháng 3 hàng năm là Tháng Thanh niên nhằm phát huy vai trò xung kích, tình nguyện của thanh niên trong việc tham gia phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đồng thời bồi dưỡng lực lượng thanh niên - nguồn nhân lực trẻ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Luật Thanh niên đã dành 01 điều quy định tháng 3 hàng năm là Tháng Thanh niên nhằm phát huy tinh thần xung kích, tình nguyện, sáng tạo của thanh niên để tham gia hoạt động vì lợi ích của cộng đồng, xã hội và vận động tổ chức, cá nhân đầu tư, phát triển thanh niên. Việc tổ chức Tháng Thanh niên nhằm tiếp tục khẳng định vai trò, sứ mệnh quan trọng của thanh niên, trách nhiệm của toàn xã hội đối với thanh niên và trách nhiệm của thanh niên đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đây cũng là tháng để thanh niên cả nước hăng hái thi đua, triển khai nhiều hoạt động sôi nổi, thiết thực, xung kích, tình nguyện, thực hiện các chương trình, phần việc thanh niên, tạo tiền đề quan trọng thúc đẩy phong trào hoạt động của thanh niên trong năm. Đồng thời, đây cũng là dịp Đảng, Nhà nước tôn vinh những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, những tấm gương điển hình, tạo sức lan tỏa trong cộng đồng.

---

<sup>(5)</sup> Luật Thanh niên của Cộng hòa Serbia quy định 01 Chương về kinh phí và nguồn nhân lực cho các chương trình và dự án vì lợi ích công đối với thanh niên;

<sup>(6)</sup> Luật Thanh niên Bungari quy định các nguyên tắc quản lý, cung cấp tài chính cho các hoạt động nhằm thực hiện chính sách thanh niên nhà nước;

<sup>(7)</sup> Luật Thanh niên Latvia quy định việc cung cấp tài chính từ ngân sách nhà nước được cung cấp cho các sáng kiến của thanh niên, các tổ chức thanh niên.

Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 25/7/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá” quy định: Chính quyền các cấp định kỳ gặp gỡ, đối thoại với thanh niên. Trong những năm qua, Lãnh đạo các bộ ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức đã thường xuyên gặp gỡ, đối thoại với thanh niên để giải đáp và tháo gỡ các vấn đề có liên quan đến thanh niên. Luật Thanh niên dành 01 điều quy định về đối thoại với thanh niên (Điều 10) là nhằm cụ thể hóa Nghị quyết của Đảng, phù hợp với thực tiễn đặt ra nhằm giải quyết các kiến nghị, đề xuất của thanh niên thông qua những hoạt động đối thoại với thanh niên.

**Thứ năm,** về chính sách của Nhà nước đối với thanh niên (Chương III).

Luật Thanh niên năm 2005 đã quy định các chính sách của nhà nước đối với thanh niên nhưng lại gắn với trách nhiệm của nhà trường, gia đình, chính quyền địa phương các cấp và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cùng các tổ chức thanh niên; do vậy nhiều chính sách, pháp luật đối với thanh niên chưa được triển khai có hiệu quả. Để chính sách, pháp luật đối với thanh niên đi vào cuộc sống, Luật Thanh niên năm 2020 đã tách các chính sách của Nhà nước đối với thanh niên thành một Chương riêng để không chồng chéo với các chính sách đã được quy định ở các luật chuyên ngành và bảo đảm tính khả thi cao khi Luật được ban hành. Các chính sách của Nhà nước đối với thanh niên quy định trong Luật Thanh niên đã được thiết kế theo hướng vừa quy định chính sách khung vừa quy định chính sách cụ thể, có tính chất định hướng trên các lĩnh vực gắn với thanh niên; trong đó, quy định nguyên tắc định hướng để thực hiện các chính sách làm cơ sở cho việc bảo đảm cho các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thực hiện nhiệm vụ theo ngành, lĩnh vực và địa phương tổ chức triển khai thực hiện hoặc lồng ghép trong việc thực hiện chính sách đối với thanh niên về học tập và nghiên cứu khoa học (Điều 16); chính sách về lao động, việc làm (Điều 17); chính sách về khởi nghiệp (Điều 18); chính sách về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe (Điều 19); chính sách về văn hóa, thể dục, thể thao (Điều 20); chính sách về bảo vệ Tổ quốc (Điều 21).

Đồng thời, đối với một số đối tượng thanh niên có tính “đặc thù” Luật Thanh niên năm 2020 quy định một số chính sách đối với thanh niên xung phong (Điều 22); chính sách đối với thanh niên tình nguyện (Điều 23); chính sách đối với thanh niên có tài năng (Điều 24); chính sách đối với thanh niên dân tộc thiểu số (Điều 25); chính sách đối với thanh niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi để hỗ trợ, tạo điều kiện cho nhóm yếu thế phát triển và phát huy nhóm thanh niên tích cực, tạo cơ hội bình đẳng cho mọi đối tượng thanh niên (Điều 26).

**Thứ sáu,** về trách nhiệm của tổ chức thanh niên (Chương IV).

Kế thừa Luật Thanh niên năm 2005, Luật Thanh niên năm 2020 đã dành 01 Chương quy định về tổ chức thanh niên, trong đó quy định vị trí, vai trò của tổ chức thanh niên (Điều 27), Đoàn TNCS Hồ Chí Minh (Điều 28), Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam và Hội sinh viên Việt Nam (Điều 29); đồng thời và quy định trách nhiệm của tổ chức thanh niên đối với thanh niên, đặc biệt là đã có 01 Điều quy định



chính sách của Nhà nước đối với tổ chức thanh niên (Điều 30) để tạo điều kiện, hỗ trợ cho các tổ chức thanh niên hoạt động. Những quy định này đã cụ thể hóa tinh thần Kết luận số 80/KL-TW ngày 25/12/2013 của Bộ Chính trị về việc đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá” để khẳng định vị thế và nâng cao vai trò, trách nhiệm của tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức thanh niên đối với thanh niên.

**Thứ bảy,** về trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, cơ sở giáo dục, gia đình đối với thanh niên (Chương V).

Luật Thanh niên năm 2005 không quy định trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, cơ sở giáo dục, gia đình đối với thanh niên; trong khi đó những tổ chức này có vị trí, vai trò và sự tác động, ảnh hưởng rất lớn đến thanh niên. Khắc phục hạn chế này, Luật Thanh niên năm 2020 đã dành 01 Chương quy định về trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc (Điều 31); trách nhiệm của tổ chức xã hội (Điều 32); trách nhiệm của tổ chức kinh tế (Điều 33); trách nhiệm của cơ sở giáo dục (Điều 34); trách nhiệm của gia đình đối với thanh niên (Điều 35). Các quy định này tạo nền tảng pháp lý quy định trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế trong việc phối hợp bảo vệ, chăm sóc, tạo điều kiện cho thanh niên thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình; đồng thời tạo điều kiện cho thanh niên được học tập, lao động an toàn, phát triển thể lực, trí tuệ, tham gia các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe; đồng thời tạo điều kiện cho tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam thành lập nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của thanh niên. Bên cạnh đó, các quy định của Luật Thanh niên năm 2020 cũng quy định rõ trách nhiệm của cơ sở giáo dục của gia đình trong việc chăm lo, bảo đảm cho thanh niên được học tập, phát triển tài năng; được giáo dục rèn luyện nhân cách, đạo đức, chăm sóc rèn luyện sức khỏe, định hướng nghề nghiệp, lao động việc làm.

**Thứ tám,** về quản lý nhà nước về thanh niên (Chương VI).

Luật Thanh niên năm 2005 không quy định cụ thể cơ quan nào giúp Chính phủ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thanh niên; đồng thời cũng không quy định trách nhiệm của các bộ, ngành trong việc phối hợp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thanh niên, không quy định trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thanh niên. Đây là hạn chế để triển khai thực thi các chính sách, pháp luật đối với thanh niên. Khắc phục hạn chế này, Luật Thanh niên năm 2020 quy định nội dung quản lý nhà nước về thanh niên với 8 nhiệm vụ cụ thể: Giao trách nhiệm cho Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về thanh niên (Điều 37); quy định trách nhiệm của Chính phủ trong việc bảo đảm hiệu lực, hiệu quả thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về thanh niên, bảo đảm cơ chế và biện pháp phối hợp giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chính quyền địa phương và tổ chức có liên quan trong việc xây dựng, thực hiện chính sách, pháp luật đối với thanh niên nhằm bảo đảm xây dựng và thực hiện các mục tiêu, chỉ

tiêu phát triển thanh niên trong chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và từng giai đoạn. Quy định 8 nhiệm vụ của Bộ Nội vụ - cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về thanh niên. Quy định trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thanh niên theo ngành và lĩnh vực. Quy định trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thanh niên và việc tổ chức triển khai chính sách, pháp luật đối với thanh niên tại địa phương.

## **CHUYÊN ĐỀ 2**

### **PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG CHỐNG HIV/AIDS**

Ngày 16/11/2020, tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) số 64/2006/QH11, Chủ tịch nước ký Lệnh công bố ngày 30/11/2020 (Lệnh số 16/2020/L-CTN). Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2021.

#### **I. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO**

##### **1. Mục đích**

Tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS góp phần giảm số người nhiễm mới HIV xuống dưới 1.000 trường hợp, giảm số tử vong do AIDS đạt mức dưới 1 trường hợp/100.000 dân, nâng cao hiệu lực, hiệu quả phòng, chống HIV/AIDS nhằm chấm dứt dịch bệnh AIDS vào năm 2030 theo Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.

##### **2. Quan điểm chỉ đạo**

a) Thể chế hóa kịp thời, đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng về phòng, chống HIV/AIDS đã được định hướng tại Nghị quyết số 20-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương khóa XII về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.

b) Khắc phục được các tồn tại, bất hợp lý sau 13 năm thực hiện Luật, đồng thời cụ thể hóa một số chính sách phòng, chống HIV/AIDS trên cơ sở có kế thừa chọn lọc những quy định hiện hành đang phát huy hiệu quả trong thực tiễn, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của nước ta để tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS.

c) Bảo đảm quyền của người nhiễm HIV.

d) Khuyến khích, huy động sự tham gia tích cực của cả hệ thống chính trị, mọi người dân, các tổ chức xã hội dân sự và người nhiễm HIV vào công tác phòng, chống HIV/AIDS.

đ) Thực hiện các cam kết với cộng đồng quốc tế về thực hiện mục tiêu 90-90-90<sup>8</sup> vào năm 2020, hướng đến cơ bản chấm dứt dịch bệnh AIDS vào năm 2030.

e) Bảo đảm tính dự báo, thích ứng với các quan hệ xã hội phát sinh liên quan đến phòng, chống HIV/AIDS, phù hợp với kinh nghiệm và thông lệ quốc tế.

---

<sup>8</sup> 90 % người có HIV biết được tình trạng bệnh của mình; 90% người nhiễm HIV được điều trị ARV; 90% số người được điều trị ARV kiểm soát được tải lượng vi rút ở mức thấp.

## **II. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT PHÒNG, CHỐNG NHIỄM VI RÚT GÂY RA HỘI CHỨNG SUY GIẢM MIỄN DỊCH MẮC PHẢI Ở NGƯỜI (HIV/AIDS) NĂM 2020**

### **1. Bố cục**

- Điều 1. Sửa đổi, bổ sung 14 điều của Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) năm 2006 (Điều 2 về giải thích từ ngữ; Điều 4 về quyền và nghĩa vụ của người nhiễm HIV; Điều 11 về đối tượng tiếp cận thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống HIV/AIDS; Điều 12 về trách nhiệm thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống HIV/AIDS; Điều 18 về phòng, chống HIV/AIDS trong cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở bảo trợ xã hội, trại giam, trại tạm giam; Điều 20 về người nhiễm HIV, người có nguy cơ cao tham gia phòng, chống HIV/AIDS; Điều 21 về can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV; Điều 27 về xét nghiệm HIV tự nguyện; Điều 29 về thực hiện xét nghiệm HIV; Điều 30 về thông báo kết quả xét nghiệm HIV dương tính và tiếp cận thông tin người nhiễm HIV; Điều 35 về phòng, chống lây nhiễm HIV từ mẹ sang con; Điều 36 về điều trị dự phòng phơi nhiễm với HIV; Điều 39 về tiếp cận thuốc kháng HIV; Điều 43 về nguồn lực cho phòng, chống HIV/AIDS).

Bãi bỏ hai điều của Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) năm 2006, bao gồm Điều 42 về áp dụng pháp luật hình sự, tố tụng hình sự, xử lý vi phạm hành chính đối với người bị xử lý hình sự, hành chính mà bị bệnh AIDS giai đoạn cuối; Điều 44 về quỹ hỗ trợ, điều trị, chăm sóc người nhiễm HIV.

- Điều 2. Hiệu lực thi hành.

### **2. Những nội dung cơ bản của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) năm 2020**

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) năm 2020 dựa trên hai chính sách: (1) Tăng cường tiếp cận thông tin người nhiễm HIV và (02) Bảo đảm quyền được tiếp cận dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS của mọi đối tượng. Cụ thể như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung các thuật ngữ: “*Xét nghiệm HIV*”, “*Các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV*” và “*Dự phòng trước phơi nhiễm với HIV bằng thuốc kháng HIV*” tại Điều 2 về giải thích từ ngữ để bảo đảm cách hiểu thống nhất, chính xác phù hợp với nội dung sửa đổi, bổ sung trong dự thảo Luật. Theo đó, “*xét nghiệm HIV* là việc thực hiện các kỹ thuật chuyên môn nhằm xác định tình trạng nhiễm HIV trong mẫu máu, mẫu dịch sinh học của cơ thể người, bao gồm xét nghiệm sàng lọc HIV và xét nghiệm khẳng định HIV dương tính”; “*Người di biến động* là người thường xuyên sống xa gia đình, thay đổi chỗ ở và nơi

làm việc”; “*Dự phòng trước phơi nhiễm với HIV bằng thuốc kháng HIV* là việc sử dụng thuốc kháng HIV để phòng ngừa, giảm nguy cơ nhiễm HIV”.

b) Bổ sung nghĩa vụ của người nhiễm HIV phải thông báo tình trạng nhiễm HIV của mình cho vợ, chồng, người dự định kết hôn, người sống như vợ, chồng với mình để phòng ngừa lây nhiễm HIV cho người đó. Đây là nội dung cần thiết để góp phần bảo vệ quyền được an toàn của mỗi cá nhân và giảm nguy cơ lây nhiễm HIV từ người nhiễm HIV qua quan hệ tình dục (sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 4 của Luật Phòng, chống HIV/AIDS năm 2006).

c) Điều chỉnh, bổ sung một số đối tượng nguy cơ cao được ưu tiên các biện pháp tiếp cận thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống HIV/AIDS gồm nhóm người quan hệ tình dục đồng giới nam (MSM), người chuyển đổi giới tính, người có quan hệ tình dục với người nhiễm HIV và với các đối tượng nguy cơ cao, phạm nhân, người bị tạm giữ, tạm giam, trại viên cơ sở giáo dục bắt buộc, học sinh trường giáo dưỡng (sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 của Luật Phòng, chống HIV/AIDS năm 2006).

d) Bổ sung trường hợp cơ quan thông tin đại chúng thực hiện thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống HIV/AIDS được thu phí theo đặt hàng, giao nhiệm vụ có bố trí kinh phí của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phù hợp với thực tiễn về tự chủ tài chính hiện nay, tránh quy định mang tính hình thức là miễn phí nhưng không khả thi. Đồng thời, chỉnh sửa tên một số cơ quan, tổ chức của nhà nước có thay đổi so với trước<sup>9</sup>. (Khoản 3, 7 Điều 12 và Điều 18 của Luật Phòng, chống HIV/AIDS năm 2006).

đ) Điều chỉnh, mở rộng sự tham gia của người nhiễm HIV, người có hành vi nguy cơ cao được tham gia một số biện pháp phòng, chống HIV/AIDS như: cung cấp dịch vụ xét nghiệm sàng lọc HIV, sinh phẩm tự xét nghiệm sàng lọc HIV cho người có nguy cơ cao tại cộng đồng theo quy định của pháp luật; giới thiệu, tư vấn sử dụng và tuân thủ điều trị, chuyển gửi người nguy cơ cao tham gia điều trị dự phòng trước và sau phơi nhiễm HIV. Đây là những hoạt động, dịch vụ đơn giản, dễ thực hiện và phù hợp với điều kiện của người nhiễm HIV, người nguy cơ cao, tạo điều kiện để những người trong các nhóm đồng đẳng, nhất là người có mặc cảm dễ tiếp cận với các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS (sửa đổi, bổ sung Điều 20 của Luật Phòng, chống HIV/AIDS năm 2006).

e) Luật hóa để quy định cụ thể các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV hiện đang thực hiện theo quy định của Chính phủ và quy định cụ thể các đối tượng được tiếp cận các biện pháp can thiệp giảm tác hại để bảo đảm hiệu lực pháp lý và tính thống nhất, đồng bộ của pháp luật. Bổ sung biện pháp can thiệp mới là “*dự phòng trước phơi nhiễm HIV bằng thuốc kháng vi rút HIV*”. Đây là biện pháp kỹ thuật mới rất có hiệu quả trong phòng lây nhiễm HIV (sửa đổi, bổ sung Điều 21 của Luật Phòng, chống HIV/AIDS năm 2006).

---

<sup>9</sup> Bộ Văn hóa – Thông tin thành Bộ Thông tin và Truyền thông; bổ sung thêm nhiệm vụ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Ngoài ra, để Quốc hội xem xét quyết định trong dự thảo Luật Phòng, chống ma túy sửa đổi và Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi về tính đồng bộ thống nhất giữa các luật này với hệ thống pháp luật về phòng, chống HIV/AIDS trong việc đảm bảo quyền tiếp cận dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS liên tục, hiệu quả của người nghiện ma túy, Chính phủ đã thống nhất bổ sung vào Luật Phòng, chống ma túy sửa đổi và Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi quy định về việc đảm bảo người đang tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế không bị lập hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp cai nghiện bắt buộc.

g) Giảm độ tuổi được quyền tự nguyện đề nghị xét nghiệm HIV của trẻ em từ đủ 16 tuổi xuống đủ 15 tuổi mà không cần sự đồng ý của cha mẹ, người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật để bảo đảm phù hợp với tình trạng thực tế lây nhiễm HIV trong nhóm trẻ hiện nay cần được xét nghiệm sớm để điều trị kịp thời nếu trẻ nhiễm HIV, bảo đảm quyền được chăm sóc sức khỏe của trẻ em, khắc phục được các tồn tại hiện nay. Trường hợp trẻ nhiễm HIV thì cơ sở xét nghiệm sẽ thông báo cho cha mẹ, người giám hộ biết để kịp thời hỗ trợ, tạo điều kiện chăm sóc và điều trị cho trẻ (sửa đổi, bổ sung Điều 27 của Luật Phòng, chống HIV/AIDS năm 2006).

h) Quy định theo hướng phân tách cụ thể các kỹ thuật xét nghiệm tương ứng với phạm vi và điều kiện thực hiện từ đơn giản (xét nghiệm sàng lọc tại cộng đồng) đến phức tạp (kháng định trường hợp HIV dương tính) để đáp ứng yêu cầu phát triển kỹ thuật hiện nay. Đơn giản hóa thủ tục hành chính đối với điều kiện của cơ sở xét nghiệm HIV. Bổ sung quy định người được xét nghiệm HIV cung cấp chính xác địa chỉ nơi cư trú và số chứng minh thư nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân của mình cho cơ sở xét nghiệm trước khi thực hiện xét nghiệm để nhận kết quả xét nghiệm HIV dương tính (sửa đổi, bổ sung Điều 29 của Luật Phòng, chống HIV/AIDS năm 2006).

i) Bổ sung đối tượng được tiếp cận thông tin người nhiễm HIV để bảo đảm lợi ích của người nhiễm HIV trong việc điều trị, thanh toán chi phí khám, chữa bệnh cho họ cũng như phòng ngừa nguy cơ lây nhiễm HIV cho người trực tiếp chăm sóc, điều trị cho họ (sửa đổi, bổ sung Điều 30 của Luật Phòng, chống HIV/AIDS năm 2006). Cụ thể:

- “Người đứng đầu cơ quan, đơn vị và người được giao nhiệm vụ giám sát dịch HIV/AIDS” được thông báo kết quả xét nghiệm HIV để thống kê, đánh giá nguy cơ lây nhiễm HIV ra cộng đồng của họ.

- “Những người được tiếp cận thông tin của người nhiễm HIV gồm: Người đứng đầu, người được giao nhiệm vụ giám sát dịch HIV/AIDS; Người đứng đầu, người được giao nhiệm vụ của cơ quan bảo hiểm xã hội khi trực tiếp thực hiện việc giám định, thanh toán, quản lý thông tin khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế cho người nhiễm HIV; Người đứng đầu, người được giao nhiệm vụ của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi trực tiếp thực hiện việc thanh toán, quản lý thông tin khám bệnh, chữa bệnh cho người nhiễm HIV.” Đồng thời quy định phạm vi và nội dung thông tin của người nhiễm HIV được tiếp cận để đảm bảo

giữ bí mật thông tin của người nhiễm HIV, nhưng vẫn thực hiện các nhiệm vụ trong phạm vi được giao.

k) Tiếp tục quy định phụ nữ mang thai tự nguyện xét nghiệm HIV được miễn phí như quy định hiện hành; bổ sung thêm quy định về nguồn kinh phí chi trả xét nghiệm HIV cho phụ nữ mang thai là từ Quỹ bảo hiểm y tế đối với người có thẻ BHYT và từ ngân sách nhà nước cho người không có thẻ bảo hiểm y tế (sửa đổi, bổ sung Điều 35 của Luật Phòng, chống HIV/AIDS năm 2006); điều chỉnh đối tượng được cấp miễn phí thuốc kháng HIV: Người bị phơi nhiễm với HIV, bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp hoặc do rủi ro của kỹ thuật y tế hoặc do tham gia cứu nạn, phụ nữ và trẻ em có chỉ định điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con, trẻ em dưới 6 tuổi, người nhiễm HIV trong cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở bảo trợ xã hội, trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ, cơ sở giam giữ khác (sửa đổi, bổ sung Điều 39 Luật Phòng, chống HIV/AIDS năm 2006. Các đối tượng trước đây được cấp miễn phí thuốc kháng HIV theo quy định của Luật Phòng, chống HIV/AIDS năm 2006 là trẻ em từ đủ 6 tuổi đến dưới 16 tuổi; người nhiễm HIV tích cực tham gia phòng, chống HIV, người nhiễm HIV có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn). Các quy định này nhằm bảo đảm điều kiện thuận lợi về quyền tiếp cận dịch vụ can thiệp giảm tác hại, xét nghiệm HIV, chăm sóc điều trị HIV/AIDS của mọi người dân, đặc biệt phụ nữ mang thai, trẻ em, nhóm người yếu thế.

l) Bổ sung biện pháp điều trị dự phòng trước phơi nhiễm với HIV là biện pháp chuyên môn kỹ thuật mới, hiệu quả cho người có nguy cơ phơi nhiễm với HIV, người phơi nhiễm với HIV để tăng tiếp cận và hiệu quả phòng ngừa lây nhiễm HIV cho các đối tượng này (sửa đổi, bổ sung Điều 36 của Luật Phòng, chống HIV/AIDS năm 2006).

m) Quy định cụ thể hơn về nguồn lực và huy động các nguồn lực khác nhau cho phòng, chống HIV/AIDS bảo đảm thực hiện các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS nhằm mục tiêu chấm dứt dịch bệnh AIDS tại Việt Nam, thể hiện vai trò Nhà nước trong việc cam kết nguồn lực hỗ trợ các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS đối với cộng đồng quốc tế (sửa đổi, bổ sung Điều 43 của Luật Phòng, chống HIV/AIDS năm 2006).

n) Bãi bỏ Điều 42 về tạm đình chỉ điều tra, miễn chấp hành hình phạt đối với người bị AIDS giai đoạn cuối, do khi người nhiễm HIV chuyển sang giai đoạn AIDS, nếu được điều trị ARV sẽ khỏe mạnh bình thường. Việc bỏ điều khoản này cũng nhằm đảm bảo quyền được điều trị HIV/AIDS cho những người nhiễm HIV trong cơ sở giam giữ, không để cho họ bị tử vong do AIDS nếu không được điều trị. Mặt khác, hiện nay việc tạm đình chỉ điều tra, miễn chấp hành hình phạt tù và các biện pháp xử lý vi phạm hành chính đang được thực hiện theo các luật về hình sự, tố tụng hình sự, xử lý vi phạm hành chính mới được ban hành.

o) Bãi bỏ Điều 44 về Quỹ hỗ trợ, điều trị, chăm sóc người nhiễm HIV. Dự kiến Chính phủ đề xuất ghép nội dung hoạt động của Quỹ này trong một Quỹ chung về lĩnh vực y tế khi xây dựng trong Luật phòng bệnh trình Quốc hội trong

nhiệm kỳ tới. Việc bãi bỏ điều này không làm ảnh hưởng đến quyền được hỗ trợ, chăm sóc, điều trị HIV/AIDS của người nhiễm HIV do việc điều trị HIV/AIDS đã được Quỹ bảo hiểm y tế chi trả hoặc ngân sách nhà nước đảm bảo cho một số đối tượng quy định tại Điều 39 sửa đổi, bổ sung. Việc bãi bỏ Quỹ này phù hợp với chủ trương tại Nghị quyết số 792/2019/NQ-UBTVQH14 ngày 22/10/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

### **3. Dự báo tác động chính sách của luật đến người dân và xã hội**

- Không làm tăng chi phí của cả Nhà nước cũng như xã hội đồng thời không gây phát sinh thêm thủ tục hành chính và có tác dụng tạo điều kiện thuận lợi cho cả người nhiễm HIV và cơ sở y tế trong việc thực hiện các chính sách liên quan đến quyền của người nhiễm HIV.

- Không làm ảnh hưởng nhiều đến tài chính cho người dân vì chi phí xét nghiệm HIV cho phụ nữ mang thai thấp, có thể tự chi trả. Những người nguy cơ cao, người cần xét nghiệm HIV do bác sĩ chỉ định và có thể bảo hiểm y tế thì được Quỹ bảo hiểm y tế chi trả. Những người khác được ngân sách nhà nước chi trả theo mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế.

- Bản thân người nghiện và gia đình người nghiện yên tâm điều trị nếu đảm bảo tuân thủ tốt về điều trị và không vi phạm pháp luật. Tạo điều kiện cho người nghiện cải tạo tốt, tìm kiếm công ăn việc làm ổn định, tăng thu nhập thêm gia đình. Không phát sinh các chi phí về điều trị nghiện bằng thuốc thay thế cho gia đình vì họ vẫn đảm bảo duy trì điều trị bình thường.

- Mức độ đầu tư của Nhà nước nhỏ, có tính khả thi cao và cũng góp hạn chế nguy cơ bùng phát lây nhiễm HIV. Bên cạnh đó, việc thực hiện chính sách cũng không làm gia tăng chi phí của Quỹ bảo hiểm y tế vốn đang phải đối mặt với nguy cơ bội chi trong thời gian tới.

### **4. Các điều kiện bảo đảm thực hiện**

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức trong ngành y tế và Nhân dân.

- Nghiên cứu, rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đề đề xuất xây dựng mới, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật cho phù hợp.

### **5. Triển khai hoạt động thi hành Luật**

#### ***5.1. Tuyên truyền, phổ biến Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người***

##### **a) Ở Trung ương**

- Bộ Y tế và các cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức quán triệt việc thi hành luật; tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật và các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thông qua các chuyên mục, chương trình, tập huấn, biên soạn tài liệu và các hình thức khác theo quy định của pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật.



- Bộ Y tế tổ chức đưa các hoạt động thông tin, giáo dục truyền thông về Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người và việc tổ chức thực hiện Luật vào các kế hoạch, hoạt động truyền thông hằng năm của Bộ Y tế, phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng, báo chí trong và ngoài ngành y tế thường xuyên, chủ động thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người và việc tổ chức thực hiện Luật.

- Trung tâm Truyền thông và Giáo dục sức khỏe Trung ương, các cơ quan thông tin, báo chí thuộc Bộ Y tế thường xuyên, chủ động thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người và việc tổ chức thực hiện Luật.

- Báo Sức khỏe và Đời sống, Báo Gia đình - Xã hội mở các chuyên trang, chuyên mục về phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người.

- Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật của Bộ Y tế và cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình của ngành y tế các đơn vị, địa phương có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, giới thiệu nội dung của Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, biện pháp thi hành Luật.

- Cục Phòng, chống HIV/AIDS phối hợp với Vụ Pháp chế Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan biên soạn, in ấn tài liệu, tổ chức tập huấn chuyên sâu về phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người và các văn bản hướng dẫn thi hành cho lãnh đạo, cán bộ cốt cán, hội viên Chi hội Luật gia, báo cáo viên pháp luật và các Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

#### b) Ở địa phương

- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật và các văn bản quy định chi tiết Luật bằng các hình thức phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của địa phương và từng đối tượng, địa bàn (thông qua lồng ghép chuyên đề trong các hội nghị, lớp tập huấn, cập nhật kiến thức pháp luật mới theo kế hoạch công tác phổ biến, giáo dục pháp luật); Tổ chức đưa các hoạt động thông tin, giáo dục truyền thông về phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người và việc tổ chức thực hiện Luật vào các kế hoạch, hoạt động truyền thông hằng năm của Sở Y tế, phối hợp với các cơ quan thông tin, báo chí trong và ngoài ngành y tế tại địa phương thường xuyên, chủ động thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người và việc tổ chức thực hiện Luật.

- Trung tâm Truyền thông và Giáo dục sức khỏe tỉnh, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh xây dựng kế hoạch truyền thông hằng năm và thường xuyên, chủ động thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người và việc tổ chức thực hiện Luật.

## **5.2. Rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật**

Vụ Pháp chế, Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị hữu quan rà soát, thống kê, lập danh mục văn bản cần sửa đổi, bổ sung, ban hành mới hoặc bãi bỏ; tổng hợp kết quả rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

## **5.3. Xây dựng văn bản hướng dẫn thi hành Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người**

### **a) Các văn bản triển khai thi hành Luật**

- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người.

- Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người.

### **b) Các văn bản quy định chi tiết thi hành các điều, khoản của Luật**

- Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người.

- Thông tư quy định công tác xét nghiệm HIV/AIDS.

## **5.4. Xây dựng các tài liệu hướng dẫn thực hiện Luật**

- Các quy trình, hướng dẫn chuyên môn, kỹ thuật trong phòng, chống HIV/AIDS.

- Quy trình (hướng dẫn) tư vấn xét nghiệm HIV/AIDS.

- Quy trình (hướng dẫn) điều trị dự phòng trước phơi nhiễm HIV.

- Rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy trình xét nghiệm, chẩn đoán, điều trị methadone; ARV.

**PHẦN II: TÌNH HUỐNG PHÁP LUẬT**  
**CHUYÊN ĐỀ 1**  
**PHÁP LUẬT HÌNH SỰ**

**Tình huống 1. Vì cần tiền để đánh bạc nên An và Khoa rủ nhau đi cướp điện thoại di động của các đôi trai gái chơi ở công viên. Khi đi An mang theo một khẩu súng tự chế và đưa cho Khoa. Khi ra đến công viên, An và Khoa thấy Chinh và Sang đang ngồi tâm sự ở ghế đá, Khoa dí súng K54 vào Chinh và Sang bảo đưa điện thoại di động, vì quá sợ hãi nên Chinh và Sang đã đưa điện thoại di động cho An và Khoa. Vậy An và Khoa bị truy cứu trách nhiệm về tội gì và theo điều khoản nào của Bộ luật hình sự?**

**Trả lời:**

An và Khoa có hành vi cướp tài sản (cướp điện thoại di động của Chinh và Sang) nên An và Khoa đã phạm tội cướp tài sản. Hơn nữa An và Khoa đã sử dụng vũ khí (súng K54) để cướp tài sản. Do vậy An và Khoa đã phạm tội cướp tài sản với tình tiết định khung “sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015.

*Vũ khí* được quy định trong điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 bao gồm: vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao, súng săn và vũ khí thô sơ.

*Vũ khí quân dụng* bao gồm: các loại súng trường, súng ngắn, súng liên thanh; các loại pháo, dàn phóng, bệ phóng tên lửa, súng cối, hoá chất độc và nguồn phóng xạ; các loại đạn, bom, mìn, lựu đạn, ngư lôi, thủy lôi, vật liệu nổ quân dụng, hoá cụ và vũ khí khác dùng cho mục đích quốc phòng - an ninh.

*Vũ khí thể thao* bao gồm: các loại súng trường, súng ngắn thể thao chuyên dùng các cỡ; các loại súng hơi, các loại vũ khí khác dùng trong luyện tập, thi đấu thể thao và các loại đạn dùng cho các loại súng thể thao nói trên.

*Vũ khí thô sơ* bao gồm: dao găm, kiếm, giáo, mác, đinh ba, đại đao, mã tấu, quả đấm bằng kim loại hoặc chất cứng, cung, nỏ, côn các loại.

*Phương tiện nguy hiểm* là những vật mà tính năng, tác dụng của nó có chứa đựng tính nguy hiểm, có khả năng gây nguy hại đến tính mạng, sức khỏe của con người như: các loại dao (dao bầu, dao nhọn, dao quắm, dao rựa, dao phát bờ...); các loại chất độc, chất cháy (ête, thuốc mê, thuốc ngủ, axit, chất phóng xạ...).

*Thủ đoạn nguy hiểm* là những cách thức, phương pháp, thủ đoạn có tính nguy hiểm như: dùng dây xiết cổ nạn nhân; dùng thuốc độc để đầu độc; dìm nạn nhân xuống nước; dùng dây, gậy gỗ đặt ngang qua đường để người đi đường qua vướng vào ngã để cướp tài sản...

**Tình huống 2. Bảo, Bình, Chiến (17 tuổi) có hành vi lặc tài xỉu ăn thua bằng tiền. Trong trường hợp này, hình phạt Tòa án có thể áp dụng với tội này đối với họ như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm: a) Có tính chất chuyên nghiệp; b) Tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc trị giá 50.000.000 đồng trở lên; c) Sử dụng mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội; d) Tái phạm nguy hiểm.

Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

**Tình huống 3. Hoa phạm tội buôn bán ma túy. Trong quá trình điều tra, truy tố xét xử, cơ quan có thẩm quyền phát hiện Hoa đang có thai. Xin hỏi trong trường hợp này Hoa có được hoãn chấp hành hình phạt tù hay không?**

**Trả lời:**

Theo Điều 67 của Bộ luật Hình sự năm 2015, người bị xử phạt tù có thể được hoãn chấp hành hình phạt trong các trường hợp sau đây:

a) Bị bệnh nặng thì được hoãn cho đến khi sức khỏe được hồi phục;

b) Phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, thì được hoãn cho đến khi con đủ 36 tháng tuổi;

c) Là người lao động duy nhất trong gia đình, nếu phải chấp hành hình phạt tù thì gia đình sẽ gặp khó khăn đặc biệt, được hoãn đến 01 năm, trừ trường hợp người đó bị kết án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc các tội khác là tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;

d) Bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, do nhu cầu công vụ, thì được hoãn đến 01 năm.

Trong thời gian được hoãn chấp hành hình phạt tù, nếu người được hoãn chấp hành hình phạt lại thực hiện hành vi phạm tội mới, thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Đôi chiếu với quy định nêu trên, Hoa sẽ được hoãn chấp hành hình phạt tù đến khi đưa con đủ 36 tháng tuổi. Tuy nhiên, trường hợp trong thời gian được hoãn, Hoa lại tiếp tục phạm tội thì Hoa sẽ bị Tòa án buộc phải chấp hành hình phạt trước đó theo quy định nêu trên.

**Tình huống 4. Cháu tôi 16 tuổi bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội cố ý gây thương tích. Vậy trong trường hợp này, việc giảm mức hình phạt đã tuyên đối với người chưa thành niên phạm tội được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 105 Bộ luật Hình sự năm 2015, việc giảm mức hình phạt đã tuyên đối với người chưa thành niên phạm tội được thực hiện như sau:

Người dưới 18 tuổi phạm tội bị phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù, nếu có tiến bộ và đã chấp hành được một phần tư thời hạn, thì được Tòa án xét giảm; riêng đối với hình phạt tù, mỗi lần có thể giảm đến 04 năm nhưng phải bảo đảm đã chấp hành ít nhất là hai phần năm mức hình phạt đã tuyên.

Người dưới 18 tuổi phạm tội bị phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù, nếu lập công hoặc mắc bệnh hiểm nghèo, thì được xét giảm ngay và có thể được miễn chấp hành phần hình phạt còn lại.

Người dưới 18 tuổi phạm tội bị phạt tiền nhưng bị lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn kéo dài do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn hoặc ốm đau gây ra hoặc lập công lớn, thì theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định giảm hoặc miễn việc chấp hành phần tiền phạt còn lại.

**Tình huống 5. Do bị kẻ xấu xúi giục, lại nhẹ dạ, cả tin, con tôi đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội vận chuyển trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 2015 (khi thực hiện hành vi phạm tội cháu 17 tuổi) và Tòa án tuyên mức phạt tù 24 tháng. Tôi được biết Nhà nước ta có chính sách về tha tù trước hạn cho người phạm tội nhưng tôi chưa rõ cần đáp ứng điều kiện gì để được hưởng chính sách này?**

**Trả lời:**

Theo Điều 106 Bộ luật Hình sự năm 2015, người dưới 18 tuổi đang chấp hành án phạt tù, nếu không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 66<sup>10</sup> có thể được tha tù trước hạn khi có đủ các điều kiện sau đây: (i) Phạm tội lần đầu; (ii) Có nhiều tiến bộ, có ý thức cải tạo tốt; (iii) Đã chấp hành được một phần ba thời hạn phạt tù; (iv) Có nơi cư trú rõ ràng.

<sup>10</sup> Khoản 2 Điều 66 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định không áp dụng quy định tha tù trước thời hạn có điều kiện đối với người bị kết án thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Người bị kết án về một trong các tội quy định tại Chương XIII, Chương XXVI, Điều 299 của Bộ luật này; người bị kết án 10 năm tù trở lên về một trong các tội quy định tại Chương XIV của Bộ luật này do cố ý hoặc người bị kết án 07 năm tù trở lên đối với một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 248, 251 và 252 của Bộ luật này; b) Người bị kết án tử hình được ân giảm hoặc thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Việc tha tù trước thời hạn có điều kiện được thực hiện như sau:

- Theo đề nghị của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền, Tòa án quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện đối với người bị kết án. Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách. Thời gian thử thách bằng thời gian còn lại của hình phạt tù.

- Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính 02 lần trở lên trong thời gian thử thách, thì Tòa án có thể hủy bỏ quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện đối với người đó và buộc họ phải chấp hành phần hình phạt tù còn lại chưa chấp hành. Nếu người đó thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án buộc người đó chấp hành hình phạt của bản án mới và tổng hợp với phần hình phạt tù chưa chấp hành của bản án trước theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện đã chấp hành được ít nhất là một phần hai thời gian thử thách và có nhiều tiến bộ thì theo đề nghị của cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định rút ngắn thời gian thử thách.

Quy định mới về tha tù trước thời hạn có điều kiện thể hiện chính sách hình sự nhân đạo của Nhà nước ta, khắc phục những bất cập trong chính sách đặc xá, giảm gánh nặng cho công tác thi hành án phạt tù hiện nay nhưng vẫn bảo đảm được sự công bằng, nghiêm minh của pháp luật, đồng thời không làm thay đổi mục đích của hình phạt là giáo dục và trừng trị hành vi phạm tội.

**Tình huống 6. Tôi được biết phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm nhưng chưa rõ Bộ luật Hình sự quy định như thế nào về vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng? Người phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội bị xử lý như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo Khoản 2 Điều 22 Bộ luật Hình sự năm 2015: Vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại. Người có hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Theo Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 2015, người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội, thì bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm: a) Đối với 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của

mỗi người từ 31% đến 60%; b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên.

Phạm tội dẫn đến chết người hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người 61% trở lên, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 03 năm.

**Tình huống 7. Hòa (17 tuổi 09 tháng) bị truy cứu trách nhiệm hình sự về một tội phạm và bị Tòa án áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng trong thời hạn 01 năm. Vậy những đối tượng nào được áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng? Biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng khác gì với biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn?**

**Trả lời:**

Theo Điều 96 Bộ luật Hình sự năm 2015, Tòa án có thể áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng từ 01 năm đến 02 năm đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, nếu thấy do tính chất nghiêm trọng của hành vi phạm tội, do nhân thân và môi trường sống của người đó mà cần đưa người đó vào một tổ chức giáo dục có kỷ luật chặt chẽ. Người được giáo dục tại trường giáo dưỡng phải chấp hành đầy đủ những nghĩa vụ về học tập, học nghề, lao động, sinh hoạt dưới sự quản lý, giáo dục của nhà trường.

Trường giáo dưỡng là cơ sở giáo dục đặc biệt được Nhà nước thành lập để giáo dục, cải tạo người dưới 18 tuổi phạm tội hoặc có những vi phạm pháp luật khác. Biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng là biện pháp nghiêm khắc hơn biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, được áp dụng khi môi trường xã hội mà người chưa thành niên sinh sống không có các điều kiện thuận lợi cho việc giáo dục, cải tạo họ như gia đình có người thân vi phạm pháp luật hoặc có tiền án hoặc người chưa thành niên sống bụi đời, lang thang.... Tuy biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng bắt buộc người dưới 18 tuổi phạm tội phải chịu sự quản lý chặt chẽ, phải cách ly khỏi xã hội nhưng tại đây, họ được học văn hóa, học nghề, được tham gia các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, đọc sách báo, xem truyền hình và các hoạt động vui chơi giải trí khác do trường tổ chức; được rèn luyện và cải tạo lối sống trước đây của mình để trở thành công dân có ý thức pháp luật. Họ không bị giam giữ như trong trường hợp áp dụng hình phạt tù.

**Tình huống 8. Phong đã bị kết án về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù, trở về gia đình, Phong đã rủ rê, lôi kéo Dinh, Tèo, Giang sử dụng trái phép chất ma túy. Cả Dinh, Tèo, Giang đều đang là học sinh (15 tuổi). Trong trường hợp này, Phong phạm tội gì?**

**Trả lời:**

Hành vi lôi kéo Dinh, Tèo, Giang sử dụng trái phép chất ma túy của Phong đã phạm tội lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy theo Điều 258 Bộ luật Hình sự năm 2015. Các đối tượng mà Phong lôi kéo là người chưa thành niên (đều 15 tuổi) nên thuộc trường hợp quy định tại điểm d và điểm e

Khoản 2 Điều 258 Bộ luật Hình sự năm 2015 “phạm tội trong trường hợp đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi” và “đối với 02 người trở lên”.

Trong trường hợp này, Phong sẽ bị phạt tù với khung hình phạt từ 05 năm đến 10 năm. Ngoài ra, Phong còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

**Tình huống 9. Thiếu sự quan tâm giáo dục của gia đình, lại đua đòi bạn bè ăn chơi nên Khánh phạm tội cướp tài sản khi mới qua sinh nhật tuổi 15. Khi đưa ra xét xử, Tòa án ra bản án đối với Khánh là 4 năm tù, bằng ½ mức phạt tù điều luật quy định. Có ý kiến cho rằng Tòa án làm trái pháp luật, khi áp dụng mức phạt tù đối với Khánh chỉ bằng ½ mức phạt tù mà điều luật quy định. Xin hỏi ý kiến đó đúng hay sai? Pháp luật quy định thế nào trong trường hợp này?**

**Trả lời:**

Khánh mới hơn 15 tuổi, vì thế, việc Tòa án ra bản án đối với Khánh là 4 năm tù, bằng ½ mức phạt tù điều luật quy định là đúng với quy định của pháp luật về việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người chưa thành niên.

Khoản 2, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định về việc phạt tù có thời hạn như sau:

Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 12 năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định.

**Tình huống 10. Thông qua những kẻ môi giới mại dâm, 3 đại gia Trần (48 tuổi), Vũ (55 tuổi) và Nguyễn (56 tuổi) đã có hành vi mua dâm Phụng (17 tuổi). Trong trường hợp này, hình phạt mà Tòa án có thể áp dụng người phạm tội này như thế nào?**

**Trả lời:**

Trần, Vũ và Nguyễn đã có hành vi mua dâm người chưa thành niên là hành vi cấu thành tội mua dâm người dưới 18 tuổi quy định theo Điều 329 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Hành vi mua dâm người dưới 18 tuổi là hành vi thỏa thuận tiền bạc hoặc các lợi ích vật chất khác trả cho người dưới 18 để họ đồng ý cho thực hiện hành vi giao cấu với họ. Người chưa thành niên bị mua dâm là những người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi. Tội này có 3 khung hình phạt chính và hình phạt bổ sung.

Căn cứ vào kết quả điều tra hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân người phạm tội và các vấn đề có liên quan của Trần, Vũ và Nguyễn để Tòa án xác định khung hình phạt, cụ thể như sau:

- Phạt tù từ 01 năm đến 05 năm đối với trường hợp người nào đủ 18 tuổi trở lên mua dâm người dưới 18 tuổi trừ trường hợp giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người dưới 13 tuổi.



- Phạt tù từ 03 năm đến 07 năm nếu phạm tội thuộc một trong các trường hợp: a) Mua dâm 02 lần trở lên; b) Mua dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi; c) Gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%.

- Phạt tù từ 07 năm đến 15 năm nếu phạm tội thuộc một trong các trường hợp: a) Phạm tội 02 lần trở lên đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi; b) Gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên.

Ngoài áp dụng hình phạt chính, người phạm tội còn bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

**Tình huống 11. Do hoàn cảnh khó khăn nên Hoa (15 tuổi) lên mạng xã hội tìm việc, được một người lạ tên là Trang dụ dỗ hứa sẽ giới thiệu Hoa làm ở quán cà phê tỉnh khác với mức lương 10 triệu đồng/tháng. Tin lời, Hoa bắt xe hẹn gặp Trang và bị người này lừa bán vào 01 động mại dâm, may mắn là cơ quan chức năng đã can thiệp và giải cứu kịp thời. Trong trường hợp này, hành vi của Trang sẽ bị xử lý như thế nào?**

**Trả lời:**

Hành vi của Trang đã phạm tội mua bán người dưới 16 tuổi, cụ thể, khoản 1 Điều 151 Bộ luật hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định tội mua bán người dưới 16 tuổi:

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:

a) Chuyển giao hoặc tiếp nhận người dưới 16 tuổi để giao, nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác, trừ trường hợp vì mục đích nhân đạo;

b) Chuyển giao hoặc tiếp nhận người dưới 16 tuổi để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác;

c) Tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người dưới 16 tuổi để thực hiện hành vi quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản này.

Theo quy định nêu trên, Trang đã phạm tội: Chuyển giao hoặc tiếp nhận người dưới 16 tuổi để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác. Hành vi của Trang sẽ bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm.

Ngoài ra, Trang còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Cơ quan chức năng đã can thiệp và giải cứu được, trong thực tế còn nhiều vụ việc liên quan đến hành vi dụ dỗ, lừa bán phụ nữ với hình thức như trên, nhưng người thân của họ chưa gửi đơn tố cáo hoặc nạn nhân chưa thể tìm cách liên lạc được với gia đình để yêu cầu trợ giúp. Nguyên nhân của những vụ việc

này là do chính sự nhẹ dạ cả tin của một số phụ nữ có kinh tế khó khăn, bị các đối tượng lừa gạt.

Lưu ý: Khi sử dụng các mạng xã hội, người dân cần bảo mật những thông tin cá nhân như tên tuổi, địa chỉ, số điện thoại,... để tránh những thông tin này rơi vào tay kẻ xấu. Khi nhận được những tin nhắn, thư thoại có chứa đường link lạ, những website không rõ nguồn gốc tuyệt đối không được truy cập và bỏ qua những tin nhắn thông báo trúng thưởng.

**Tình huống 12. Trong 01 lần đến thăm nhà người quen, anh Tuấn thấy có một loại cây nở hoa rất đẹp nên xin vài cây đem về vườn nhà trồng làm kiểng. Anh Tài, là bạn của anh Tuấn trong một lần đến chơi nhà thì phát hiện ra đó là cây thuốc phiện (cây anh túc). Nghe anh Tài nói, anh Tuấn hoảng hốt chặt bỏ tất cả cây thuốc phiện đã trồng, nhưng anh Tuấn còn băn khoăn không biết hành vi của mình có phạm tội hay không?**

**Trả lời:**

Trường hợp của anh Tuấn sẽ không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, tuy nhiên anh Tuấn có thể bị xử phạt hành chính.

Cụ thể, theo khoản 1 Điều 247 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), một người bị truy cứu trách nhiệm về tội trồng cây thuốc phiện, cây côca, cây cần sa hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định thuộc một trong các trường hợp: a) Đã được giáo dục 02 lần và đã được tạo điều kiện ổn định cuộc sống; b) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm; c) Với số lượng từ 500 cây đến dưới 3.000 cây. Giải thích từ ngữ trong điều luật này như sau:

“*Đã được giáo dục nhiều lần*” là đã được cơ quan nhà nước, tổ chức, người có trách nhiệm ở địa phương từ hai lần trở lên vận động, thuyết phục, nhắc nhở về việc không được trồng cây có chứa chất ma túy hoặc phổ biến đường lối, chính sách, quy định của pháp luật về cấm trồng cây có chứa chất ma túy. Các biện pháp giáo dục này phải được thể hiện bằng biên bản. Chỉ bị coi là “*đã được giáo dục nhiều lần*” nếu việc giáo dục được thực hiện trước khi bị xử phạt hành chính.

“*Đã được tạo điều kiện để ổn định cuộc sống*” là đã được hỗ trợ về tiền vốn, kỹ thuật để sản xuất, hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi hoặc đã được hướng dẫn về kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt cây ăn quả, cây công nghiệp, cây lương thực... để thay thế các loại cây có chứa chất ma túy.

“*Đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm*” được hiểu là trước đó đã có hành vi trồng cây có chứa chất ma túy và đã bị xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính, nhưng chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, mà lại tiếp tục có hành vi trồng cây có chứa chất ma túy và bị phát hiện.

Như vậy, đối với hành vi trồng cây thuốc phiện lần đầu và với số lượng ít, anh Tuấn không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, anh Tuấn có thể bị xử phạt vi phạm hành chính theo Khoản 3 Điều 21 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình. Cụ thể, anh Tuấn có thể bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi trồng các loại cây thuốc phiện, cây cần sa và các loại cây khác có chứa chất ma túy.

**Tình huống 13. Thông qua người quen của gia đình giới thiệu, Huyền (15 tuổi) được vào làm việc cho một cơ sở chăm sóc sắc đẹp với mức lương 8 triệu đồng/tháng do Hải làm chủ. Không ngờ, cơ sở này là một điểm tập kết mua, bán người. Sau khi Huyền đến làm việc, Hải đã bán em cùng với nhiều người khác sang một động mại dâm tại Campuchia. May mắn em trốn thoát về lại được Việt Nam. Hỏi hành vi của Hải sẽ bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Do Huyền chỉ mới 15 tuổi nên hành vi của Hải sẽ bị xử lý hình sự theo Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cụ thể:

*1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:*

*a) Chuyển giao hoặc tiếp nhận người dưới 16 tuổi để giao, nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trừ trường hợp vì mục đích nhân đạo;*

*b) Chuyển giao hoặc tiếp nhận người dưới 16 tuổi để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác;*

*c) Tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người dưới 16 tuổi để thực hiện hành vi quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản này.*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:*

*a) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;*

*b) Lợi dụng hoạt động cho nhận con nuôi để phạm tội;*

*c) Đối với từ 02 người đến 05 người;*

*d) Đối với người mà mình có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng;*

*đ) Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*e) Phạm tội 02 lần trở lên;*

*g) Vi động cơ đê hèn;*

*h) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%, nếu không thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 3 Điều này.*

*3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 18 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:*

*a) Có tổ chức;*

*b) Có tính chất chuyên nghiệp;*

*c) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;*

*d) Đã lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân;*

*đ) Làm nạn nhân chết hoặc tự sát;*

*e) Đối với 06 người trở lên;*

*g) Tái phạm nguy hiểm.*

*4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”*

Từ tình huống trên, nhận thấy Hải phạm tội có tổ chức, có thể bị phạt tù từ 18 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.

**Tình huống 14. Quỳnh và Tuấn có thời gian mặn nồng yêu nhau, thường lưu giữ kỷ niệm bằng cách chụp, quay video cảnh thân mật, tình tứ bên nhau. Sau này, vì mâu thuẫn trong chuyện tình cảm nên Quỳnh chủ động chia tay Tuấn, về quê chuẩn bị lấy chồng. Tuấn không cam chịu nên đã phát tán 01 clip sex trước đây của 02 người lên Internet nhằm bôi nhọ, xúc phạm danh dự Quỳnh, mục đích không cho Quỳnh lấy được chồng. Gia đình Quỳnh rất bức xúc, hỏi pháp luật sẽ xử lý đối với hành vi của Tuấn như thế nào?**

**Trả lời:**

Tuấn đã có hành vi truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy và có thể bị phạt tù theo quy định tại Khoản 2 Điều 326 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Theo đó, người nào làm ra, sao chép, lưu hành, vận chuyển, mua bán, tàng trữ nhằm phổ biến sách, báo, tranh, ảnh, phim, nhạc hoặc những vật phẩm khác có nội dung khiêu dâm, đồi trụy hoặc hành vi khác truyền bá vật phẩm đồi trụy bằng cách sử dụng mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử để phạm tội sẽ bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

Ngoài ra, hành vi của Tuấn còn có thể bị xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự về tội làm nhục người khác theo Điều 155 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cụ thể, Điều 155 quy định như sau:

1. Người nào xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của người khác, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:

- a) Phạm tội 02 lần trở lên;
- b) Đối với 02 người trở lên;
- c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
- d) Đối với người đang thi hành công vụ;
- đ) Đối với người dạy dỗ, nuôi dưỡng, chăm sóc, chữa bệnh cho mình;
- e) Sử dụng mạng máy tính hoặc mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội;
- g) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:

- a) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;
- b) Làm nạn nhân tự sát.

4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

## CHUYÊN ĐỀ 2

### PHÁP LUẬT VỀ AN TOÀN GIAO THÔNG

**Tình huống 15. Anh Ánh đang điều khiển xe gắn máy đi trên đường. Đến đoạn đường giao cắt với ngõ nhỏ thì bị anh Bé điều khiển xe gắn máy khác đi từ ngõ ra đâm vào, xảy ra tai nạn. Trong vụ tai nạn này theo quy định pháp luật thuộc trách nhiệm thuộc về ai?**

**Trả lời:**

Tại khoản 3 điều 24 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định:

Tại nơi đường giao nhau giữa đường không ưu tiên và đường ưu tiên hoặc giữa đường nhánh và đường chính thì xe đi từ đường không ưu tiên hoặc đường nhánh phải nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên hoặc đường chính từ bất kỳ hướng nào tới.

Đường chính: là đường bảo đảm giao thông chủ yếu trong khu vực.

Đường nhánh: là đường nối vào đường chính.

Đường ưu tiên là đường mà trên đó phương tiện tham gia giao thông đường bộ được các phương tiện giao thông đến từ hướng khác nhường đường khi qua nơi đường giao nhau, được cắm biển báo hiệu đường ưu tiên.

Như vậy, với tình huống trên, nếu anh Ánh đang đi trên đường chính, gặp anh Bé điều khiển xe từ trong ngõ đâm vào, tai nạn xảy ra trách nhiệm thuộc về anh Bé.

Để đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông, người điều khiển phương tiện xe cơ giới cần chú ý quan sát, giảm tốc độ tới mức an toàn tại nơi đường giao nhau, tránh xảy ra những tai nạn đáng tiếc.

**Tình huống 16. Lợi dụng đêm tối, đường vắng, anh Dương và một số nam nữ thanh niên điều khiển xe mô tô rủ nhau đua xe, lạng lách, đánh võng gây mất trật tự công cộng, ảnh hưởng đến trật tự an toàn giao thông trên đường phố. Lực lượng chức năng sau khi nắm được thông tin đã tiến hành quây bắt, ngăn chặn nhóm đối tượng trên. Hành vi của nhóm đối tượng sẽ bị xử lý như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo Khoản 6 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định hành vi “*Đua xe, cổ vũ đua xe, tổ chức đua xe trái phép, lạng lách, đánh võng*” là một trong những hành vi bị nghiêm cấm.

**Như vậy**, hành vi của nhóm thanh niên trên đã vi phạm quy định về trật tự an toàn giao thông.

Tùy vào từng mức độ, hậu quả xảy ra của hành vi đua xe trái phép mà người vi phạm có thể bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc phải bị xử lý hình sự.

## **Về xử phạt vi phạm hành chính**

Đối với việc xử phạt hành vi đua xe trái phép trên, Khoản 2 Điều 34 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt quy định “Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với người đua xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện trái phép”. Ngoài ra, người tham gia đua xe trái phép còn bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 3 tháng đến 5 tháng và tịch thu phương tiện (điểm b Khoản 4 Điều 34 Nghị định 100/2019/NĐ-CP).

## **Về truy cứu trách nhiệm hình sự**

Hành vi đua xe trái phép có thể bị xử lý hình sự theo quy định tại Điều 266 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cụ thể:

“1. Người nào đua trái phép xe ô tô, xe máy hoặc các loại xe khác có gắn động cơ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi quy định tại Điều này hoặc Điều 265 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 2 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm: a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 1 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%; b) Gây thiệt hại về tài sản từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 10 năm: a) Làm chết người; b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 1 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên; c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 2 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%; d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng; đ) Bỏ chạy để trốn tránh trách nhiệm hoặc cố ý không cứu giúp người bị nạn; e) Tham gia cá cược; g) Chống lại người có trách nhiệm bảo đảm trật tự, an toàn giao thông hoặc người có trách nhiệm giải tán cuộc đua xe trái phép; h) Tại nơi tập trung đông dân cư; i) Tháo dỡ thiết bị an toàn khỏi phương tiện đua; k) Tái phạm nguy hiểm.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 7 năm đến 15 năm: a) Làm chết 2 người; b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%; c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm: a) Làm chết 3 người trở lên; b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên; c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”.

**Tình huống 17. Khu phố nhà Ngân có rất nhiều người chăn dắt súc vật đi ngang qua nhà. Trong quá trình di chuyển, những con vật này thải chất thải (phóng uế) ra đường, mà người chăn dắt không chịu dọn sạch. Có lần Ngân đã gặp Hùng dắt bò ra đồng nên đã nhắc nhở người này phải thu dọn chất thải của vật nuôi của mình nhưng người này tỏ ra thách thức và yêu cầu Ngân phải đưa ra được quy định của pháp luật về hành vi này là vi phạm thì sẽ không bao giờ thực hiện hành vi này nữa. Vậy pháp luật quy định hành vi của Hùng như thế nào?**

**Trả lời:**

Việc anh Hùng không dọn sạch chất thải của súc vật thải ra đường, hè phố là vi phạm quy định về giao thông đường bộ. Cụ thể:

Điều 34 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định:

- Người dẫn dắt súc vật đi trên đường bộ phải cho súc vật đi sát mép đường và *bảo đảm vệ sinh trên đường*; trường hợp cần cho súc vật đi ngang qua đường thì phải quan sát và chỉ được đi qua đường khi có đủ điều kiện an toàn.

- Không được dẫn dắt súc vật đi vào phần đường dành cho xe cơ giới.

Mức xử phạt đối với hành vi trên được quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 10 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt như sau:

*“Phạt tiền từ 60.000 đồng đến 100.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:*

...

*c) Không đủ dụng cụ đựng chất thải của súc vật hoặc không dọn sạch chất thải của súc vật thải ra đường, hè phố;”*

Như vậy, anh Hùng dẫn dắt súc vật không đủ dụng cụ đựng chất thải của súc vật hoặc không dọn sạch chất thải của súc vật thải ra đường, hè phố thì sẽ bị phạt cảnh cáo từ 60.000 đồng đến 100.000 đồng.

**Tình huống 18. Trên đường đi làm về, anh Lâm bị sụp ổ gà. Mặc dù không bị thương nặng nhưng anh Lâm không thể đứng lên đi lại được nên đã nhờ đến sự giúp đỡ của những người xung quanh. Một số người đi qua nhìn thấy rồi bỏ đi mà không giúp đỡ. Vậy việc không giúp đỡ người bị tai nạn giao thông trên có vi phạm pháp luật không?**

**Trả lời:**

Điều 38 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định như sau:

- Những người có mặt tại nơi xảy ra vụ tai nạn có trách nhiệm sau đây:

+ Bảo vệ hiện trường;

+ Giúp đỡ, cứu chữa kịp thời người bị nạn;



- + Báo tin ngay cho cơ quan công an, y tế hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất;
- + Bảo vệ tài sản của người bị nạn;
- + Cung cấp thông tin xác thực về vụ tai nạn theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

- Người điều khiển phương tiện khác khi đi qua nơi xảy ra vụ tai nạn có trách nhiệm chở người bị nạn đi cấp cứu. Các xe được quyền ưu tiên, xe chở người được hưởng quyền ưu đãi”.

Như vậy, hành vi của những người đi qua nhìn thấy anh Lâm bị tai nạn rồi bỏ đi mà không giúp đỡ là vi phạm pháp luật về giao thông đường bộ.

Mức phạt đối với hành vi không giúp đỡ người bị tai nạn khi có yêu cầu được quy định tại điểm a Khoản 7 Điều 11 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt như sau:

- Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi “Không cứu giúp người bị tai nạn giao thông khi có yêu cầu”.

Ngoài ra, nếu đủ các dấu hiệu cấu thành tội phạm thì hành vi trên cũng có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

**Tình huống 19. Mỗi năm 2 vụ, cứ vào mùa thu hoạch lúa thì tình trạng người dân tại xã X biến lòng lề đường thành sân phơi lúa diễn ra phổ biến, gây trở ngại, mất an toàn cho người và phương tiện tham gia giao thông, đặc biệt là những hành vi dùng gạch, đá xếp thành hàng trên đường ngăn không cho các phương tiện giao thông đi vào khu vực này. Nhằm nhắc nhở, vận động người dân không tiếp tục thực hiện hành vi này thì cần viện dẫn văn bản nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 35 Luật Giao thông đường bộ năm 2008: Lòng đường và hè phố chỉ được sử dụng cho mục đích giao thông. Trong một số trường hợp vẫn cho phép tổ chức một số hoạt động văn hóa, thể thao, diễu hành, lễ hội trên đường bộ. Trường hợp đặc biệt, việc sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố vào mục đích khác phải do UBND cấp tỉnh quy định nhưng không được làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn giao thông. Đặc biệt, nghiêm cấm các hành vi sau:

- Hạp chợ, mua, bán hàng hóa trên đường bộ;
- Tụ tập đông người trái phép trên đường bộ;
- Thả rông súc vật trên đường bộ;
- Phoi thóc, lúa, rom rạ, nông sản hoặc đồ vật khác trên đường bộ;
- Đặt biển quảng cáo trên đất của đường bộ;

- Lắp đặt biển hiệu, biển quảng cáo hoặc thiết bị khác làm giảm sự chú ý, gây nhầm lẫn nội dung biển báo hiệu hoặc gây cản trở người tham gia giao thông;

- Che khuất biển báo hiệu, đèn tín hiệu giao thông;

- Sử dụng bàn trượt, pa-tanh, các thiết bị tương tự trên phần đường xe chạy;

- Hành vi khác gây cản trở giao thông.

Việc người dân phơi lúa trên đường tiềm ẩn nguy cơ tai nạn rất cao. Tùy vào mức độ nguy hiểm và hậu quả gây ra thì có thể xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Về mức xử phạt đối với hành vi trên, căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 12 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt như sau:

“1. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với cá nhân, từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:

...

b) Phơi thóc, lúa, rơm, rạ, nông, lâm, hải sản trên đường bộ; đặt máy tuốt lúa trên đường bộ.”

Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả là buộc phải thu dọn thóc, lúa, rơm, rạ, nông, lâm, hải sản, thiết bị trên đường bộ.

Trường hợp vi phạm mà gây thiệt hại cho tính mạng hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe, tài sản của người khác thì người vi phạm có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về Tội cản trở giao thông đường bộ tại Điều 261 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cụ thể như sau:

“1. Người nào đào, khoan, xẻ, san lấp trái phép công trình giao thông đường bộ; đặt, để, đổ trái phép vật liệu, phế thải, rác thải, vật sắc nhọn, chất gây trơn hoặc chướng ngại vật khác gây cản trở giao thông đường bộ; tháo dỡ, di chuyển trái phép, làm sai lệch, che khuất hoặc phá hủy biển báo hiệu, đèn tín hiệu, cọc tiêu, gương cầu, dải phân cách hoặc thiết bị an toàn giao thông đường bộ khác; mở đường giao cắt trái phép qua đường bộ, đường có dải phân cách; sử dụng trái phép lề đường, hè phố, phần đường xe chạy, hành lang an toàn đường bộ hoặc vi phạm quy định về bảo đảm an toàn giao thông khi thi công trên đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Làm chết người;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;

d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Tại đèo, dốc, đường cao tốc hoặc đoạn đường nguy hiểm;

b) Làm chết 02 người;

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;

d) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a) Làm chết 03 người trở lên;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;

c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.

4. Cản trở giao thông đường bộ trong trường hợp có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả quy định tại một trong các điểm a, b và c khoản 3 Điều này nếu không được ngăn chặn kịp thời, thì bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm.”.

**Tình huống 20. Anh Khan là người thích tụ tập với bạn bè để ăn nhậu. Trong một lần tụ tập bạn bè mừng tân gia của một người bạn trong nhóm, do uống khá nhiều nên dù tửu lượng cao, Khan cũng cảm thấy chệnh choáng. Khan đã xin ngủ nhờ lại nhà Bằng cho tỉnh rượu. Sau khi ngủ lại khoảng 1 tiếng thấy mình đã bớt say, Khan liền lấy xe máy chạy về nhà. Khi lưu thông trên đường do còn hơi rượu trong người, Khan đã cởi mũ bảo hiểm đi cho thoáng. Đến ngã tư gần nhà, Khan bị công an giao thông giữ lại để xử phạt vì hành vi không đội mũ bảo hiểm. Thấy Khan có hơi rượu, công an đã yêu cầu Khan cho thử nồng độ cồn nhưng Khan không chấp hành vì cho rằng bản thân đã tỉnh rượu. Vậy theo quy định của pháp luật, trường hợp Khan sẽ được xử lý như thế nào?**

**Trả lời:**

Trong trường hợp này Khan đã thực hiện 02 hành vi vi phạm pháp luật giao thông, cụ thể như sau:

- Hành vi thứ nhất, không đội mũ bảo hiểm khi điều khiển xe máy (điểm i khoản 2 Điều 6 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt): “Người điều khiển, người ngồi trên xe không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách khi tham gia giao thông trên đường bộ”.

- Hành vi thứ hai, không chấp hành yêu cầu kiểm tra về nồng độ cồn của người kiểm soát giao thông (điểm g khoản 8 Điều 6 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt): “Không chấp hành yêu cầu kiểm tra về chất ma túy, nồng độ cồn của người thi hành công vụ”.

Đối với mỗi hành vi trên, Khan sẽ có mức xử phạt tương ứng cụ thể như sau:

- Đối với hành vi không đội mũ bảo hiểm, anh Khan sẽ bị phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng.

- Đối với hành vi không chấp hành yêu cầu kiểm tra về nồng độ cồn của người kiểm soát giao thông, anh Khan sẽ bị phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng.

Ngoài ra, theo căn cứ tại điểm g khoản 10 Điều 6 Nghị định 100/2019/NĐ-CP, hành vi của anh Khan không chấp hành yêu cầu kiểm tra về nồng độ cồn của người kiểm soát giao thông, còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 22 tháng đến 24 tháng.

### CHUYÊN ĐỀ 3

#### PHÁP LUẬT VỀ DÂN SỰ

**Tình huống 21.** Anh Xuân đã tiến hành xây nhà kho sát với vườn nhà ông Lâm. Tuy nhiên, nhà kho của anh không có đường dẫn nước xuống cống, hễ trời mưa là nước từ mái tôn nhà kho lại chảy sang vườn nhà ông Lâm, gây úng lụt. Ông Lâm yêu cầu anh Xuân phải lắp đặt đường dẫn nước sao cho nước mưa không được chảy xuống vườn nhà ông. Xin hỏi yêu cầu của ông Lâm có phù hợp với quy định của pháp luật không?

**Trả lời:**

Tại Điều 250 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định nghĩa vụ của chủ sở hữu trong việc thoát nước mưa như sau:

Chủ sở hữu nhà, công trình xây dựng khác phải lắp đặt đường dẫn nước sao cho nước mưa từ mái nhà, công trình xây dựng của mình không được chảy xuống bất động sản của chủ sở hữu bất động sản liền kề.

Như vậy, việc ông Lâm yêu cầu anh Xuân phải lắp đặt đường dẫn nước sao cho nước mưa từ mái nhà kho của anh Xuân không được chảy xuống vườn của mình là phù hợp với quy định của pháp luật.

**Tình huống 22.** Nhà anh Tý nằm ở trong cùng của dãy phố. Để thoát nước sinh hoạt ra cống chung của khu phố, anh Tý phải bắc đường ống qua nhà chị Minh hàng xóm. Khi biết tin chị Minh chuyển đi nơi khác, bán nhà cho người khác, anh Tý lo lắng không biết người mua nhà mới có cho anh tiếp tục lắp đường ống này không. Xin hỏi pháp luật quy định về quyền về cấp, thoát nước qua bất động sản liền kề như thế nào?

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 252 Bộ luật dân sự năm 2015 về quyền về cấp, thoát nước qua bất động sản liền kề như sau:

Trường hợp do vị trí tự nhiên của bất động sản mà việc cấp, thoát nước buộc phải qua một bất động sản khác thì chủ sở hữu bất động sản có nước chảy qua phải dành một lối cấp, thoát nước thích hợp, không được cản trở hoặc ngăn chặn dòng nước chảy.

Người sử dụng lối cấp, thoát nước phải hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại cho chủ sở hữu bất động sản có nước chảy qua khi lắp đặt đường dẫn nước; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường. Trường hợp nước tự nhiên chảy từ vị trí cao xuống vị trí thấp mà gây thiệt hại cho chủ sở hữu bất động sản có nước chảy qua thì người sử dụng lối cấp, thoát nước không phải bồi thường thiệt hại.

Như vậy anh Tý vẫn có thể tiếp tục bắc đường ống nước nhưng anh Tý phải hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại cho nhà hàng xóm.

**Tình huống 23. Bố mẹ mất sớm nên để lại cho Chí căn nhà 3 tầng. Đã nhiều năm nay Chí nghiện ma túy, do không có tiền để hút chích nên tài sản trong gia đình lần lượt bị Chí mang đi bán, nay Chí lại đe dọa bán cả căn nhà của gia đình. Hỏi trong trường hợp này Chí có bị coi là người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự để không thể bán tài sản của gia đình không?**

**Trả lời:**

Điều 24 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về hạn chế năng lực hành vi dân sự như sau:

*“Người nghiện ma túy, nghiện các chất kích thích khác dẫn đến phá tán tài sản của gia đình thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án có thể ra quyết định tuyên bố người này là người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.”*

Cũng theo quy định tại Điều luật, việc xác lập, thực hiện giao dịch dân sự liên quan đến tài sản của người bị Tòa án tuyên bố hạn chế năng lực hành vi dân sự phải có sự đồng ý của người đại diện theo pháp luật, trừ giao dịch nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày hoặc luật liên quan có quy định khác.

Như vậy, trong trường hợp này, do Chí nghiện ma túy nên gia đình (vợ, con Chí) cần yêu cầu Tòa án ra quyết định tuyên bố Chí bị hạn chế năng lực hành vi dân sự. Trên cơ sở đó, Chí sẽ không thể tự mình thực hiện việc mua bán căn nhà là tài sản có giá trị của gia đình.

**Tình huống 24. Sắp đến ngày nộp học phí, mà bố mẹ ở quê chưa kịp gửi tiền lên nên G có ý định mang chiếc xe đạp điện đi cầm cố cho hiệu cầm đồ đầu đường để lấy tiền nộp học phí. G muốn hỏi pháp luật quy định như thế nào về cầm cố tài sản? Bên cầm cố có nghĩa vụ gì?**

**Trả lời:**

Theo Điều 309 Bộ luật dân sự năm 2015, cầm cố tài sản là việc một bên giao tài sản thuộc quyền sở hữu của mình cho bên kia để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

Nghĩa vụ của bên cầm cố được quy định tại Điều 311 Bộ luật dân sự năm 2015, bao gồm:

- Giao tài sản cầm cố cho bên nhận cầm cố theo đúng thoả thuận.
- Báo cho bên nhận cầm cố về quyền của người thứ ba đối với tài sản cầm cố, nếu có; trường hợp không thông báo thì bên nhận cầm cố có quyền huỷ hợp đồng cầm cố tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại hoặc duy trì hợp đồng và chấp nhận quyền của người thứ ba đối với tài sản cầm cố.
- Thanh toán cho bên nhận cầm cố chi phí hợp lý để bảo quản tài sản cầm cố, trừ trường hợp có thoả thuận khác.

**Tình huống 25. Dù đã hết thời hạn 01 tuần mà vẫn không thấy anh Vinh chuyển đồ đạc đến căn nhà trọ định thuê như đã giao hẹn với bà**

**Phương là chủ khu nhà trọ. Khi có người khác đến đặt vấn đề muốn thuê, bà Phương đã cho người khác thuê, vì bà cho rằng đã chấm dứt đề nghị thuê nhà giữa bà và anh Vinh. Xin hỏi, ý kiến của bà Phương có chính xác hay không? Đề nghị giao kết hợp đồng chấm dứt trong các trường hợp nào?**

**Trả lời:**

Tại Điều 391 Bộ luật dân sự năm 2015 về chấm dứt đề nghị giao kết hợp đồng. Theo đó, đề nghị giao kết hợp đồng chấm dứt trong trường hợp sau đây:

- Bên được đề nghị chấp nhận giao kết hợp đồng;
- Bên được đề nghị trả lời không chấp nhận;
- Hết thời hạn trả lời chấp nhận;
- Khi thông báo về việc thay đổi hoặc rút lại đề nghị có hiệu lực;
- Khi thông báo về việc huỷ bỏ đề nghị có hiệu lực;
- Theo thoả thuận của bên đề nghị và bên được đề nghị trong thời hạn chờ bên được đề nghị trả lời.

Như vậy, căn cứ theo quy định trên, bà Phương có quyền cho người khác thuê do hết thời hạn giao kết anh Vinh vẫn không chuyển đồ đạc đến nhà trọ - hết thời hạn trả lời chấp nhận.

**Tình huống 26. Ông Tú mất để lại di chúc ủy quyền cho con trai lớn - anh Phong chia tài sản gồm 01 căn nhà và 02 mảnh đất. Sau khi bố mất, anh Phong đề nghị họp gia đình và chia tài sản theo di chúc cha để lại. Do tài sản chia không đều nên bà Mai – em út bức xúc nói ông Phong đã nhiều tuổi nên không có năng lực pháp luật dân sự, không có quyền thay bố chia tài sản của gia đình. Hỏi trong tình huống trên, bà Mai nói về ông Phong có đúng không? Pháp luật dân sự quy định về năng lực pháp luật dân sự của cá nhân như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo Khoản 2, 3 Điều 16 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

*“Mọi cá nhân đều có năng lực pháp luật dân sự như nhau.*

*Năng lực pháp luật dân sự của cá nhân có từ khi sinh ra và chấm dứt khi người đó chết.”*

Căn cứ theo quy định trên, ông Phong và các thành viên khác trong gia đình đều có năng lực pháp luật dân sự như nhau. Việc bà Mai nói ông Phong đã nhiều tuổi nên không có năng lực pháp luật dân sự là không có căn cứ vì độ tuổi không ảnh hưởng đến năng lực pháp luật dân sự của cá nhân.

Như vậy, trong tình huống trên, ông Phong có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự để thực hiện việc chia di sản theo di chúc của người cha quá cố để lại.

**Tình huống 27. Ông Khoa sinh năm 1945, sống một mình vì không có vợ con. Ông bị tai nạn cắt cả 2 tay, mắt nhìn kém do tuổi cao nhưng thần kinh vẫn minh mẫn. Hiện nay ông K muốn bán căn nhà của mình để có tiền hưởng tuổi già nhưng bản thân ông không thể ký được giấy tờ. Hỏi ông có thể tự mình xác lập việc mua bán nhà ở hay không? Trường hợp của ông có được coi là mất năng lực hành vi dân sự không?**

**Trả lời:**

Khoản 1 Điều 22 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định rõ mất năng lực hành vi dân sự là: *“Khi một người do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan, Tòa án ra quyết định tuyên bố người này là người mất năng lực hành vi dân sự trên cơ sở kết luận giám định pháp y tâm thần.”*

Như vậy căn cứ điều luật trên, ông Khoa chỉ bị hạn chế một số khả năng viết, đọc do mất mờ và cắt cả 2 tay còn trí tuệ vẫn minh mẫn, có khả năng nhận thức tốt nên không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự theo quy định.

Do vậy ông Khoa có thể toàn quyền thực hiện các giao dịch dân sự để định đoạt tài sản của mình.

**Tình huống 28. Năm 2011, anh Dinh bỏ chị An khi chị vừa sinh con được 1 tháng. Chị cho cháu mang họ mẹ và trong giấy khai sinh của cháu không có tên cha. Gần đây anh Dinh có nguyện vọng xin nhận con và muốn chuyển họ của con cùng họ với anh (lúc này con chị An đã 10 tuổi). Vì quyền lợi của con, chị muốn biết con chị có quyền được thay đổi họ không?**

**Trả lời:**

Theo Điểm a Khoản 1 Điều 27 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về quyền thay đổi họ như sau:

*“Cá nhân có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận việc thay đổi họ trong trường hợp sau đây:*

*Thay đổi họ cho con để từ họ của cha để sang họ của mẹ để hoặc ngược lại...”*

Như vậy, theo quy định trên, chị An và anh Dinh có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền thay đổi họ cho con từ họ của mẹ để sang họ của cha để. Tuy nhiên, vì con của chị An và chồng đã 10 tuổi nên việc thay đổi họ phải có sự đồng ý của con anh chị (theo quy định tại Khoản 2 Điều 27).

**Tình huống 29. Cháu Thi là trẻ sơ sinh bị bỏ rơi được ông bà Hiền nhận nuôi. Khi cháu Thi được 3 tuổi, ông bà Hiền đăng ký cho cháu vào học tại trường mầm non của xã nhưng khi làm thủ tục nhập học theo quy định thì cháu Thi thiếu giấy khai sinh, nhà trường yêu cầu gia đình phải bổ sung. Vậy theo quy định pháp luật, cháu Thi có được đăng ký khai sinh nữa hay không?**



**Trả lời:**

Theo Khoản 1 Điều 30 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

*“Cá nhân từ khi sinh ra có quyền được khai sinh.”*

Như vậy, việc đăng ký khai sinh là quyền lợi hợp pháp của cháu Thi. Tuy nhiên, do việc đăng ký khai sinh này đã quá thời hạn quy định (đăng ký ngay lúc sinh ra) nên ông bà Hiền cần đến cơ quan có thẩm quyền (Ủy ban nhân dân cấp xã) để thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

**Tình huống 30. Ông Quang mất để lại một mảnh đất có diện tích gần 500m<sup>2</sup> cho hai con trai là Trung và Hiếu. Trung do đam mê cờ bạc nên đã bán hết tài sản riêng của mình. Gần đây, một công ty nước ngoài muốn mua lại mảnh đất nói trên để mở công ty với giá cao nên Trung vận động Hiếu đồng ý bán đất rồi chia tiền nhưng Hiếu nhất quyết không đồng ý. Thấy vậy, Trung lừa chuốc say Hiếu để Hiếu ký vào bản hợp đồng bán mảnh đất cha để lại. Vậy trong trường hợp này, giao dịch dân sự trên có hiệu lực không?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015, giao dịch dân sự có hiệu lực khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập;
- Chủ thể tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện;
- Mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đồng thời, theo quy định tại Điều 128 về giao dịch dân sự vô hiệu thì:

*“Người có năng lực hành vi dân sự nhưng đã xác lập giao dịch vào đúng thời điểm không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình thì có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự đó là vô hiệu.”*

Trung đã lợi dụng lúc Hiếu say rượu để Hiếu ký hợp đồng bán mảnh đất do cha để lại cho 2 anh em. Đối chiếu với các quy định trên, giao dịch dân sự được xác lập vào đúng thời điểm Hiếu không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình. Hiếu có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng đó là vô hiệu.

**Tình huống 31. Trong quá trình cải tạo ao, ông Bằng phát hiện được cái bình cổ hoa văn rất đẹp, được xác định đó là một cổ vật thời Trần. Tin đồn lan ra, ngay lập tức đã người đến nhà ông Bằng đặt giá muốn mua cái bình với giá 600 triệu. Tuy nhiên, vợ ông Bằng không đồng ý bán mà khuyên chồng phải thông báo và giao nộp chiếc bình cho Ủy ban nhân dân cấp xã và sau này nhận tiền thưởng. Xin hỏi ý kiến của vợ ông Bằng có chính xác hay không? Pháp luật quy định việc xác lập quyền sở hữu đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy như thế nào?**

### **Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 229 Bộ luật dân sự năm 2015 về việc xác lập quyền sở hữu đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy như sau:

- Người phát hiện tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm phải thông báo hoặc trả lại ngay cho chủ sở hữu; nếu không biết ai là chủ sở hữu thì phải thông báo hoặc giao nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc công an cấp xã nơi gần nhất hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

- Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy mà không có hoặc không xác định được ai là chủ sở hữu thì sau khi trừ chi phí tìm kiếm, bảo quản, quyền sở hữu đối với tài sản này được xác định như sau:

+ Tài sản được tìm thấy là tài sản thuộc di tích lịch sử - văn hoá theo quy định của Luật di sản văn hóa thì thuộc về Nhà nước; người tìm thấy tài sản đó được hưởng một khoản tiền thưởng theo quy định của pháp luật;

+ Tài sản được tìm thấy không phải là tài sản thuộc di tích lịch sử - văn hoá theo quy định của Luật di sản văn hóa mà có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định thì thuộc sở hữu của người tìm thấy; nếu tài sản tìm thấy có giá trị lớn hơn mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định thì người tìm thấy được hưởng giá trị bằng mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định và 50% giá trị của phần vượt quá mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định, phần giá trị còn lại thuộc về Nhà nước.

Như vậy, ý kiến của vợ ông Bằng là hoàn toàn chính xác theo quy định pháp luật dân sự.

**Tình huống 32. Trên đường đi tập thể dục buổi sáng, ông Chinh phát hiện thấy có một chiếc túi xách đen rơi bên đường. Ông mở ra thấy có hơn 20 triệu tiền mặt và một số giấy tờ mang tên anh Nguyễn Văn Đình tuy nhiên lại không rõ địa chỉ cư trú của Đình. Trong trường hợp này, ông Chinh phải làm gì? Pháp luật quy định về việc xác lập quyền sở hữu đối với tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên như thế nào?**

### **Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 230 Bộ luật dân sự năm 2015 về việc xác lập quyền sở hữu đối với tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên, cụ thể như sau:

- Người phát hiện tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên mà biết được địa chỉ của người đánh rơi hoặc bỏ quên thì phải thông báo hoặc trả lại tài sản cho người đó; nếu không biết địa chỉ của người đánh rơi hoặc bỏ quên thì phải thông báo hoặc giao nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc công an cấp xã nơi gần nhất để thông báo công khai cho chủ sở hữu biết mà nhận lại.

Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc công an cấp xã đã nhận tài sản phải thông báo cho người đã giao nộp về kết quả xác định chủ sở hữu.

- Sau 01 năm, kể từ ngày thông báo công khai về tài sản do người khác

đánh rơi, bỏ quên mà không xác định được chủ sở hữu hoặc chủ sở hữu không đến nhận thì quyền sở hữu đối với tài sản này được xác định như sau:

+ Trường hợp tài sản bị đánh rơi, bỏ quên có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định thì người nhặt được được xác lập quyền sở hữu đối với tài sản đó theo quy định của Bộ luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; trường hợp tài sản có giá trị lớn hơn mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định thì sau khi trừ chi phí bảo quản, người nhặt được được hưởng giá trị bằng mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định và 50% giá trị của phần vượt quá mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định, phần giá trị còn lại thuộc về Nhà nước;

+ Trường hợp tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên là tài sản thuộc di tích lịch sử - văn hoá theo quy định của Luật di sản văn hóa thì tài sản đó thuộc về Nhà nước; người nhặt được tài sản được hưởng một khoản tiền thưởng theo quy định của pháp luật.

Như vậy, theo các quy định này, ông Chinh phải thông báo hoặc giao nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc công an cấp xã nơi gần nhất để thông báo công khai cho chủ sở hữu biết mà nhận lại.

**Tình huống 33. Thanh và Phương thỏa thuận về việc ký kết hợp đồng mua bán chiếc xe máy SH của Thanh với nội dung sau khi ký hợp đồng 02 ngày, Thanh sẽ bàn giao xe máy và giấy tờ xe cho Phương. Tuy nhiên, ngay sau ký hợp đồng, xe của Thanh đã bị mất trộm. Xin hỏi trong trường hợp này, hợp đồng mua bán xe của Thanh và Phương có bị chấm dứt hay không?**

**Trả lời:**

Tại Điều 422 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về chấm dứt hợp đồng, hợp đồng chấm dứt trong trường hợp sau đây:

- Hợp đồng đã được hoàn thành;
- Theo thoả thuận của các bên;
- Cá nhân giao kết hợp đồng chết, pháp nhân giao kết hợp đồng chấm dứt tồn tại mà hợp đồng phải do chính cá nhân, pháp nhân đó thực hiện;
- Hợp đồng bị huỷ bỏ, bị đơn phương chấm dứt thực hiện;
- Hợp đồng không thể thực hiện được do đối tượng của hợp đồng không còn;
- Hợp đồng chấm dứt theo quy định về thực hiện hợp đồng khi hoàn cảnh thay đổi cơ bản theo Bộ luật dân sự
- Trường hợp khác do luật quy định.

Trong trường hợp này, hợp đồng của Thanh và Phương đã bị chấm dứt do đối tượng của hợp đồng là chiếc xe máy không còn nữa.

**Tình huống 34. Bà Minh làm hợp đồng mua bán căn hộ tập thể cũ cho chị Nhung với thỏa thuận sau khi nhận tiền sẽ chuyển nhà đi trong vòng 01 tuần. Tuy nhiên gần đến ngày hết hạn phải chuyển đi, bà Minh vẫn chưa hoàn thiện xong nội thất cho căn nhà mới chuyển đến. Bà Minh có ý định xin kéo dài vài ngày nữa liệu có được không? Xin hỏi pháp luật quy định về thời hạn thực hiện hợp đồng mua bán như thế nào?**

**Trả lời:**

Ý định của bà Minh về việc kéo dài thời hạn thực hiện hợp đồng phải được bên mua đồng ý theo Điều 434 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về thời hạn thực hiện hợp đồng mua bán như sau:

- Thời hạn thực hiện hợp đồng mua bán do các bên thỏa thuận. Bên bán phải giao tài sản cho bên mua đúng thời hạn đã thỏa thuận; bên bán chỉ được giao tài sản trước hoặc sau thời hạn nếu được bên mua đồng ý.

- Khi các bên không thỏa thuận thời hạn giao tài sản thì bên mua có quyền yêu cầu bên bán giao tài sản và bên bán cũng có quyền yêu cầu bên mua nhận tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho nhau một thời gian hợp lý.

- Bên mua thanh toán tiền mua theo thời gian thỏa thuận. Nếu không xác định hoặc xác định không rõ ràng thời gian thanh toán thì bên mua phải thanh toán ngay tại thời điểm nhận tài sản mua hoặc nhận giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu tài sản.

**Tình huống 35. Do phải chi trả tiền chữa bệnh cho chồng, chị Minh có vay hàng xóm là chị Hoa số tiền là 50 triệu đồng và được chị Hoa cho vay không lấy lãi. Chị Hoa có yêu cầu chị Minh trong 1 năm phải hoàn trả lại số tiền này cho chị. Tuy nhiên, sau 01 năm vẫn chưa thấy chị Minh đến trả tiền, chị Hoa liền đến nhà chị Minh đòi tiền nhưng chị Minh lấy lý do khi đến hạn không thấy chị Hoa đến lấy tiền nên đã dùng số tiền trả nợ vào việc khác nên chưa có để trả. Vậy theo quy định của Bộ luật dân sự, lý do của chị Minh có phù hợp không?**

**Trả lời:**

Việc chị Minh không trả tiền cho chị Hoa khi đến hạn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Theo đó, bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Ngoài ra, việc chị Minh lấy lý do chị Hoa không đến nhà chị Minh để lấy tiền làm lý do trốn tránh là không phù hợp, bởi theo quy định tại khoản 3 Điều 466 quy định địa điểm trả nợ là nơi cư trú hoặc nơi đặt trụ sở của bên cho vay, trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác.

Như vậy, khi đến hạn trả nợ, chị Minh phải mang toàn bộ số tiền 50 triệu đồng đến nhà chị Hoa để trả nợ. Đối với việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của chị Minh, chị Hoa còn có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất được xác định

bằng 50% mức lãi suất giới hạn (20% năm) trên số tiền 50 triệu đồng mà chị Minh chậm trả.

**Tình huống 36. Chị Thi và chị Hoa là hai chị em gái. Do mẹ chồng chị Thi ốm nặng, nên chị Thi phải ở bệnh viện chăm mẹ trong 1 thời gian. Chị Thi nhờ chị Hoa trông hộ nhà cửa, vườn cây. Trong thời gian chị Thi đi vắng, thấy vườn rau nhà chị Thi đã đến lúc thu hoạch nên chị Hoa đã sang thu hoạch và mang bán giúp. Định khi nào chị Thi về sẽ đưa lại cho chị Thi số tiền bán sau đó. Xin hỏi pháp luật quy định về trường hợp này như thế nào?**

**Trả lời:**

Chị Hoa đã tự nguyện thu hoạch và mang bán rau giúp chị Thi mà không cần sự nhờ vả của chị Thi. Như vậy, theo quy định tại Điều 574 Bộ luật dân sự năm 2015 chị Hoa đã thực hiện công việc đó không có sự ủy quyền.

Trong trường hợp này chị Hoa đã thực hiện công việc giúp chị Thi, công việc mà khi chị Thi ở nhà cũng sẽ làm như thế. Như vậy, việc làm của chị Hoa phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 575 Bộ luật dân sự năm 2015 cụ thể như sau:

- Người thực hiện công việc không có ủy quyền có nghĩa vụ thực hiện công việc phù hợp với khả năng, điều kiện của mình.

- Người thực hiện công việc không có ủy quyền phải thực hiện công việc như công việc của chính mình; nếu biết hoặc đoán biết được ý định của người có công việc thì phải thực hiện công việc phù hợp với ý định đó.

Ngoài ra, chị Hoa phải báo cho chị Thi về quá trình, kết quả thực hiện công việc nếu có yêu cầu, trừ trường hợp chị Thi đã biết.

**Tình huống 37. Do uống rượu say không làm chủ được hành vi nên anh Phương đã có hành động hành hung anh Chí - một vị khách trong quán khiến anh Chí bị thương và một số đồ đạc trong quán bị hư hỏng. Chủ quán và anh Chí yêu cầu anh Phương bồi thường cho mình. Xin hỏi anh Phương có phải bồi thường thiệt hại cho anh Chí và chủ quán hay không?**

**Trả lời:**

Theo Điều 596 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về việc bồi thường thiệt hại do người dùng chất kích thích gây ra thì người do uống rượu lâm vào tình trạng mất khả năng nhận thức và làm chủ hành vi, gây thiệt hại cho người khác thì phải bồi thường.

Như vậy, với hành vi gây thiệt hại của mình, anh Phương phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho người bị thiệt hại là anh Chí và chủ quán theo đúng quy định của pháp luật.

**Tình huống 38. Con gái chị Chi đi chăn trâu ở gần vườn nhà ông An. Do không cẩn thận nên con gái chị Chi để trâu vào vườn nhà ông An làm hỏng 1/3 vườn rau nhà ông An. Xin hỏi theo quy định của pháp luật ông An có quyền yêu cầu chị Chi bồi thường số rau đó không?**

**Trả lời:**

Theo Điều 603 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về trường hợp bồi thường thiệt hại do súc vật gây ra như sau:

1. Chủ sở hữu súc vật phải bồi thường thiệt hại do súc vật gây ra cho người khác. Người chiếm hữu, sử dụng súc vật phải bồi thường thiệt hại trong thời gian chiếm hữu, sử dụng súc vật, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Trường hợp người thứ ba hoàn toàn có lỗi làm cho súc vật gây thiệt hại cho người khác thì người thứ ba phải bồi thường thiệt hại; nếu người thứ ba và chủ sở hữu cùng có lỗi thì phải liên đới bồi thường thiệt hại.

3. Trường hợp súc vật bị chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật gây thiệt hại thì người chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật phải bồi thường; khi chủ sở hữu, người chiếm hữu, sử dụng súc vật có lỗi trong việc để súc vật bị chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật thì phải liên đới bồi thường thiệt hại.

4. Trường hợp súc vật thả rông theo tập quán mà gây thiệt hại thì chủ sở hữu súc vật đó phải bồi thường theo tập quán nhưng không được trái pháp luật, đạo đức xã hội.

Đối chiếu với quy định nêu trên, chị Chi phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại mà con trâu nhà chị gây ra cho ông An, vì vậy ông An có quyền yêu cầu chị Chi bồi thường thiệt hại.

**Tình huống 39. Do 2 nhà sát vách nhau nên trong quá trình xây dựng nhà, thợ xây dựng nhà của anh An đã không tính toán làm nứt vách ảnh hưởng đến nhà tôi. Tôi đã qua báo với anh An thì anh An lại nói không phải lỗi do anh mà là lỗi do người thợ xây dựng nên anh An không bồi thường cho tôi. Xin hỏi trường hợp này pháp luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 605 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về việc bồi thường thiệt hại do nhà cửa, công trình xây dựng khác gây ra như sau:

Chủ sở hữu, người chiếm hữu, người được giao quản lý, sử dụng nhà cửa, công trình xây dựng khác phải bồi thường thiệt hại do nhà cửa, công trình xây dựng khác đó gây thiệt hại cho người khác.

Khi người thi công có lỗi trong việc để nhà cửa, công trình xây dựng khác gây thiệt hại thì phải liên đới bồi thường.

Chiếu theo quy định nêu trên, anh An phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cùng với người thợ xây dựng vì đã làm nứt vách nhà bạn.

**Tình huống 40. Anh Quang cùng cha bị tai nạn khi đang tham gia giao thông khiến cả 2 cha con chết trên đường đưa đến bệnh viện. Cha anh Quang có tài sản khá lớn nhưng không kịp để lại di chúc. Trong khi đó, vợ chồng anh Quang có 1 con trai nhỏ. Chị vợ anh Quang muốn biết con trai của mình có được hưởng phần thừa kế của anh Quang do cha anh Quang để lại hay không?**

**Trả lời:**

Theo Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về thừa kế thế vị như sau:

Trường hợp con của người để lại di sản chết trước hoặc cùng một thời điểm với người để lại di sản thì cháu được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của cháu được hưởng nếu còn sống; nếu cháu cũng chết trước hoặc cùng một thời điểm với người để lại di sản thì cháu được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của cháu được hưởng nếu còn sống.

Như vậy, anh Quang chết cùng một thời điểm với cha mình, do vậy con trai anh Quang sẽ được hưởng phần di sản mà anh Quang được hưởng do cha để lại.

**Tình huống 41. Ông Tài viết một bản di chúc để phân tài sản cho người con là Minh, Nam, dự kiến là mỗi người sẽ được nhận  $\frac{1}{2}$  số tài sản của ông và đã mang bản di chúc ra UBND xã xác nhận. Tuy nhiên, do thời gian vừa qua, biết được bố để lại một nửa số tài sản cho mình nên Minh có biểu hiện không chịu làm ăn, tụ tập cờ bạc suốt ngày đêm và nợ một số tiền, trong khi Nam thì vẫn chịu khó làm việc và ngày càng phát đạt. Ông Tài thấy vậy nên muốn sửa đổi nội dung chia tài sản cho hai con. Vậy ông Tài có thể ra lại UBND xã để sửa đổi di chúc mình đã viết không?**

**Trả lời:**

Theo Điều 640 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ di chúc thì người lập di chúc có thể sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ di chúc đã lập vào bất cứ lúc nào. Trường hợp người lập di chúc bổ sung di chúc thì di chúc đã lập và phần bổ sung có hiệu lực pháp luật như nhau; nếu một phần của di chúc đã lập và phần bổ sung mâu thuẫn nhau thì chỉ phần bổ sung có hiệu lực pháp luật. Trường hợp người lập di chúc thay thế di chúc bằng di chúc mới thì di chúc trước bị hủy bỏ.

Như vậy ông Tài có thể ra lại Ủy ban nhân dân xã để sửa đổi nội dung di chúc của mình.

## CHUYÊN ĐỀ 4

### PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG TÁC HẠI CỦA RƯỢU, BIA

**Tình huống 42. Một số người nhà bệnh nhân đang điều trị tại bệnh viện X thời gian rảnh rỗi thường xuyên tụ tập tại sảnh bệnh viện để uống rượu, bia. Nhiều người cho rằng, bệnh viện là nơi khám chữa bệnh không phải là địa điểm để uống rượu, bia. Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia quy định vấn đề này như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 10, Luật phòng chống tác hại của rượu, bia năm 2019, địa điểm không uống rượu, bia gồm có:

1. Cơ sở y tế.
2. Cơ sở giáo dục trong thời gian giảng dạy, học tập, làm việc.
3. Cơ sở, khu vực chăm sóc, nuôi dưỡng, vui chơi, giải trí dành cho người chưa đủ 18 tuổi.
4. Cơ sở cai nghiện, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, cơ sở giam giữ phạm nhân và cơ sở giam giữ khác.
5. Cơ sở bảo trợ xã hội.
6. Nơi làm việc của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập trong thời gian làm việc, trừ địa điểm được phép kinh doanh rượu, bia.
7. Các địa điểm công cộng theo quy định của Chính phủ.

Như vậy, theo quy định trên, việc uống rượu, bia tại bệnh viện là trái với quy định của Luật.

**Tình huống 43. Công ty bia rượu, nước giải khát X vừa ra mắt một loại rượu mới có độ cồn dưới 5,5 độ. Để giới thiệu sản phẩm này trong giới trẻ, công ty muốn thực hiện quảng cáo tại một trại hè dành cho học sinh, tuy nhiên, việc này đã vấp phải sự phản đối của cha mẹ học sinh. Việc quảng cáo của công ty X là đúng hay sai?**

**Trả lời:**

Theo Điều 12, Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019, quản lý việc quảng cáo rượu, bia có độ cồn dưới 5,5 độ được quy định như sau:

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện quảng cáo rượu, bia phải tuân thủ các quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật về quảng cáo.
2. Quảng cáo không thể hiện các nội dung sau đây:



a) Có thông tin, hình ảnh nhằm khuyến khích uống rượu, bia; thông tin rượu, bia có tác dụng tạo sự trưởng thành, thành đạt, thân thiện, hấp dẫn về giới tính; hướng đến trẻ em, học sinh, sinh viên, thanh niên, phụ nữ mang thai;

b) Sử dụng vật dụng, hình ảnh, biểu tượng, âm nhạc, nhân vật trong phim, nhãn hiệu sản phẩm dành cho trẻ em, học sinh, sinh viên; sử dụng người chưa đủ 18 tuổi hoặc hình ảnh của người chưa đủ 18 tuổi trong quảng cáo rượu, bia.

3. Không thực hiện quảng cáo trên các phương tiện quảng cáo trong trường hợp sau đây:

a) Sự kiện, phương tiện quảng cáo, sản phẩm dành cho người chưa đủ 18 tuổi, học sinh, sinh viên, thanh niên, phụ nữ mang thai;

b) Phương tiện giao thông;

c) Báo nói, báo hình ngay trước, trong và ngay sau chương trình dành cho trẻ em; trong thời gian từ 18 giờ đến 21 giờ hàng ngày, trừ trường hợp quảng cáo có sẵn trong các chương trình thể thao mua bản quyền tiếp sóng trực tiếp từ nước ngoài và trường hợp khác theo quy định của Chính phủ;

d) Phương tiện quảng cáo ngoài trời vi phạm quy định về kích thước, khoảng cách đặt phương tiện quảng cáo tính từ khuôn viên của cơ sở giáo dục, cơ sở, khu vực chăm sóc, nuôi dưỡng, vui chơi, giải trí dành cho người chưa đủ 18 tuổi.

4. Quảng cáo phải có cảnh báo để phòng, chống tác hại của rượu, bia.

5. Quảng cáo trên báo điện tử, trang thông tin điện tử, phương tiện điện tử, thiết bị đầu cuối và thiết bị viễn thông khác phải có hệ thống công nghệ chặn lọc, phần mềm kiểm soát tuổi của người truy cập để ngăn ngừa người chưa đủ 18 tuổi tiếp cận, truy cập, tìm kiếm thông tin về rượu, bia.

6. Chính phủ quy định chi tiết điểm d khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này.

Như vậy, theo khoản 3, Điều 12 việc quảng cáo của công ty X tại sự kiện dành cho học sinh như vậy là trái với quy định của Luật.

**Tình huống 44. Khu vui chơi trẻ em đóng tại địa bàn quận X thu hút rất nhiều khách tới vui chơi, giải trí, nhất là vào những ngày cuối tuần. Một số cửa hàng tại đây ngoài bày bán các sản phẩm đồ chơi, đồ dùng học tập còn bán cả rượu, bia, bánh kẹo. Một số phụ huynh cho rằng, việc bày bán rượu, bia tại địa điểm vui chơi dành cho trẻ em là không phù hợp. Nhận định này đúng hay sai?**

**Trả lời:**

Theo Điều 19, Luật phòng chống tác hại của rượu, bia năm 2019, địa điểm không bán rượu, bia gồm có:

1. Cơ sở y tế.
2. Cơ sở giáo dục.

3. Cơ sở, khu vực chăm sóc, nuôi dưỡng, vui chơi, giải trí dành cho người chưa đủ 18 tuổi.

4. Cơ sở cai nghiện, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, cơ sở giam giữ phạm nhân và cơ sở giam giữ khác.

5. Cơ sở bảo trợ xã hội.

6. Nơi làm việc của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, trừ địa điểm được phép kinh doanh rượu, bia.

Như vậy, quan điểm của phụ huynh là đúng vì việc bán rượu, bia tại khu vui chơi, giải trí cho trẻ em (dưới 18 tuổi) là trái với quy định của pháp luật.

**Tình huống 45. Cửa hàng bán bia hơi đầu ngõ của ông A kinh doanh rất tốt, nhất là vào dịp mùa hè nắng nóng. Khách đến uống bia ngồi chật kín các bàn, nhân viên trong quán phải phục vụ luôn chân luôn tay. Để tăng lợi nhuận kinh doanh, ông A bàn bạc với vợ tuyển dụng thêm một số thanh, thiếu niên trong xóm để phục vụ bàn và giới thiệu loại bia mới của hãng để nhận hoa hồng. Tuy nhiên, vợ ông A e ngại cho rằng, không được sử dụng lao động là người chưa đủ 18 tuổi trực tiếp tham gia vào việc kinh doanh, quảng cáo rượu, bia. Trong trường hợp này, ý kiến của vợ ông A có chính xác hay không? Pháp luật quy định về trách nhiệm của cơ sở kinh doanh rượu, bia như thế nào?**

**Trả lời:**

Trách nhiệm của cơ sở kinh doanh rượu, bia được quy định tại Điều 32 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019, gồm:

- Tuân thủ quy định của pháp luật về điều kiện kinh doanh rượu, bia; về quảng cáo, khuyến mại, tài trợ, an toàn thực phẩm, chất lượng, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, ghi nhãn hàng hóa đối với rượu, bia. Thông tin về sản phẩm rượu, bia phải bảo đảm chính xác, khoa học.

- Cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác về hoạt động kinh doanh của cơ sở theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

- Không sử dụng lao động là người chưa đủ 18 tuổi trực tiếp tham gia vào việc kinh doanh, quảng cáo rượu, bia.

- Thu hồi và xử lý rượu, bia không bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm do cơ sở mình sản xuất, mua bán theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm.

- Cơ sở bán rượu, bia phải niêm yết thông báo không bán rượu, bia cho người chưa đủ 18 tuổi. Trường hợp nghi ngờ về độ tuổi của người mua rượu, bia thì người bán có quyền yêu cầu người mua xuất trình giấy tờ chứng minh.

- Cơ sở bán rượu, bia tiêu dùng tại chỗ nhắc nhở và có hình thức thông tin phù hợp đối với khách hàng về việc không điều khiển phương tiện giao thông,

hỗ trợ khách hàng thuê, sử dụng phương tiện giao thông công cộng sau khi uống rượu, bia.

- Kể từ ngày Luật Phòng, chống tác hại của rượu bia năm 2019 có hiệu lực (vào ngày 01/01/2020), không được mở mới điểm bán rượu, bia để tiêu dùng tại chỗ trong bán kính 100 m tính từ khuôn viên của cơ sở y tế, nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông.

Như vậy, căn cứ vào quy định nêu trên, ý kiến của vợ ông A là hoàn toàn chính xác. Pháp luật nghiêm cấm không sử dụng lao động là người chưa đủ 18 tuổi trực tiếp tham gia vào việc kinh doanh, quảng cáo rượu, bia.

**Tình huống 46. Em H (14 tuổi) là học sinh trường THCS X thường xuyên tụ tập uống rượu với một số học sinh cá biệt ở cổng trường sau giờ tan học. Bạn bè trong lớp khuyên nhủ, nói với H rằng đây là hành vi bị nghiêm cấm, nhưng H không nghe vì cho rằng uống rượu, bia là sở thích nên ai cũng có thể uống. Nhận định này đúng hay sai?**

**Trả lời:**

Theo khoản 2, Điều 5, Luật Phòng, chống tác hại của rượu bia năm 2019, “Người chưa đủ 18 tuổi uống rượu, bia” là một trong những hành vi mà Luật nghiêm cấm thực hiện.

Do đó, nhận định trên của H là sai.

**Tình huống 47. Nhận thấy thị trường tiêu thụ rượu ở địa phương có rất nhiều tiềm năng nên anh S muốn thành lập doanh nghiệp sản xuất rượu công nghiệp có độ cồn từ 5,5 độ trở lên. Theo anh S tìm hiểu, thì doanh nghiệp sản xuất rượu công nghiệp phải đáp ứng những điều kiện nhất định. Cụ thể đó là những điều kiện gì?**

**Trả lời:**

Theo khoản 1, Điều 15, Luật Phòng chống tác hại của rượu, bia năm 2019 điều kiện cấp phép sản xuất rượu công nghiệp có độ cồn từ 5,5 độ lên gồm có:

- a) Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật;
- b) Có dây chuyền máy móc, thiết bị công nghiệp, quy trình công nghệ sản xuất rượu đáp ứng quy mô dự kiến sản xuất;
- c) Bảo đảm điều kiện về an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;
- d) Có nhân viên kỹ thuật có trình độ, chuyên môn phù hợp với ngành, nghề sản xuất rượu.

**Tình huống 48. Gia đình chị H có truyền thống nấu rượu men lá thủ công từ nhiều năm nay. Việc nấu rượu không nhằm mục đích kinh doanh mà để phục vụ nhu cầu tiêu thụ của gia đình vào các dịp giỗ chạp, hiếu, hỷ. Tuy nhiên, để quản lý việc sản xuất rượu thủ công của gia đình chị H sẽ phải thực hiện thủ tục gì?**

**Trả lời:**

Khoản 1 Điều 17 Luật phòng chống tác hại của rượu, bia năm 2019 quy định:

Hộ gia đình, cá nhân sản xuất rượu thủ công không nhằm mục đích kinh doanh phải có bản kê khai gửi Ủy ban nhân dân cấp xã về lượng rượu được sản xuất, phạm vi sử dụng, cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm và không bán rượu ra thị trường theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định. Việc kê khai không phải nộp phí, lệ phí.

Như vậy, gia đình chị H sẽ phải thực hiện thủ tục theo quy định nêu trên.

**Tình huống 49. Ông T (50 tuổi) là người làng X nghiện rượu đã nhiều năm nay. Mỗi lần say rượu, ông T gây gổ, chửi bới hàng xóm, gây ảnh hưởng đến trật tự của làng. Có thể áp dụng biện pháp phòng ngừa tác hại của rượu, bia tại cộng đồng nào trong trường hợp của ông T?**

**Trả lời:**

Theo Điều 24, Luật Phòng chống tác hại của rượu, bia năm 2019, có các biện pháp sau đây để phòng ngừa tác hại của rượu, bia tại cộng đồng:

1. Tuyên truyền, vận động các gia đình, thành viên thuộc tổ chức, cộng đồng tham gia tuyên truyền và thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống tác hại của rượu, bia.

2. Lồng ghép hoạt động phòng, chống tác hại của rượu, bia vào các phong trào, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, xây dựng đời sống văn hóa và hoạt động khác tại cộng đồng.

3. Vận động, khuyến khích quy định trong hương ước, quy ước việc hạn chế hoặc không uống rượu, bia tại đám cưới, đám tang, lễ hội trên địa bàn dân cư.

4. Vận động cá nhân, tổ chức không sử dụng sản phẩm rượu, bia không rõ nguồn gốc, xuất xứ, chưa được kiểm nghiệm an toàn thực phẩm.

5. Phát hiện, phản ánh người say rượu, bia, người nghiện rượu, bia để cảnh báo, phòng ngừa, xử lý hành vi gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội.

Như vậy, đối với trường hợp của ông T để phòng ngừa tác hại của rượu, bia tại cộng đồng, có thể áp dụng biện pháp "...phản ánh người say rượu, bia, người nghiện rượu, bia để cảnh báo, phòng ngừa, xử lý hành vi gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội" (theo khoản 5).

**Tình huống 50. Anh H là công chức xã C thường xuyên có hành vi uống rượu, gây gổ đánh nhau với đồng nghiệp trong giờ làm việc. Dù đơn vị đã nhiều lần nhắc nhở nhưng anh H vẫn tái phạm vì cho rằng việc anh uống rượu cùng lắm chỉ bị kỷ luật mà không thể bị xử lý bằng các hình thức khác. Quan điểm của anh H như vậy đúng hay sai?**

### **Trả lời:**

Theo Điều 28, Luật Phòng chống tác hại của rượu, bia năm 2019, việc xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống tác hại của rượu, bia được quy định như sau:

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống tác hại của rượu, bia thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền được sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để phát hiện, xử lý kịp thời hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống tác hại của rượu, bia.

3. Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong phòng, chống tác hại của rượu, bia.

Như vậy, trường hợp của anh H thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm pháp luật về phòng, chống tác hại của rượu, bia, anh H có thể bị xử lý kỷ luật xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

**Tình huống 51. Ông B là người nghiện rượu bia và luôn cho rằng “Nam vô tửu như cờ vô phong, nghĩa là cờ mà không có gió thì là cờ rủ, buồn lắm. Đàn ông mà không biết uống rượu bia thì gọi gì là đàn ông, sống để làm gì...”. Đặc biệt gần đây, khi về hưu, mặc dù tuổi cao nhưng do nhiều thời gian rảnh rỗi, bữa cơm nào ông cũng phải uống đến cả chai rượu nhỏ nên sức khỏe ngày càng giảm sút. D là con trai của ông B rất lo lắng cho bố và muốn biết rõ hơn trách nhiệm của gia đình trong phòng, chống tác hại của rượu bia?**

### **Trả lời:**

Trách nhiệm của gia đình trong phòng, chống tác hại của rượu, bia được quy định tại Điều 34 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019, cụ thể:

- Giáo dục, giám sát, nhắc nhở thành viên chưa đủ 18 tuổi không uống rượu, bia, các thành viên khác trong gia đình hạn chế uống rượu, bia; động viên, giúp đỡ người nghiện rượu, bia trong gia đình cai nghiện rượu, bia.

- Hướng dẫn các thành viên trong gia đình kỹ năng từ chối uống rượu, bia; kỹ năng nhận biết, ứng xử, xử trí khi gặp người say rượu, bia, người nghiện rượu, bia và thực hiện các biện pháp phòng, chống tác hại của rượu, bia.

- Tham gia với các cơ quan, tổ chức và cộng đồng thực hiện phòng, chống tác hại của rượu, bia.

## CHUYÊN ĐỀ 5

### PHÁP LUẬT VỀ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH VÀ PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

**Tình huống 52. Chị Xuân lấy anh Hậu được một năm nhưng chưa có con chung. Do bị cha mẹ cưỡng ép kết hôn nên chị Xuân sống với anh Hậu không có hạnh phúc. Anh chị thường xuyên có mâu thuẫn với nhau và không có tiếng nói chung trong cuộc sống, dẫn đến chị Xuân nhiều lần bị căng thẳng và muốn ly hôn. Chị Xuân muốn hỏi, trường hợp của chị có thể tự mình yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn của mình không? Pháp luật quy định những cơ quan, tổ chức, cá nhân nào có quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật?**

#### **Trả lời:**

Theo Điều 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì người có quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật được quy định như sau:

1. Người bị cưỡng ép kết hôn, bị lừa dối kết hôn, theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, có quyền tự mình yêu cầu hoặc đề nghị cá nhân, tổ chức khác yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật do việc kết hôn vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình: “*Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định*”.

2. Cá nhân, cơ quan, tổ chức sau đây, theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, có quyền yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật do việc kết hôn vi phạm quy định tại các điểm a, c và d khoản 1 Điều 8 về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình:

- Vợ, chồng của người đang có vợ, có chồng mà kết hôn với người khác; cha, mẹ, con, người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật khác của người kết hôn trái pháp luật;

- Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình;

- Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em;

- Hội liên hiệp phụ nữ.

3. Cá nhân, cơ quan, tổ chức khác khi phát hiện việc kết hôn trái pháp luật thì có quyền đề nghị cơ quan, tổ chức (cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội Liên hiệp phụ nữ) yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật.

Do chị Xuân bị cha mẹ cưỡng ép kết hôn nên theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, chị Xuân có quyền tự mình yêu cầu hoặc đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, Hội liên hiệp phụ nữ ở địa phương yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật.

**Tình huống 53. Đã lập gia đình được hơn sáu năm, nhưng đến nay chị Minh vẫn chưa có con mặc dù đã chạy chữa khắp nơi. Khi nghe đài, chị Minh được biết pháp luật có cho phép mang thai hộ. Chị đã bàn với chồng tính chuyện nhờ người em họ mang thai hộ. Đề nghị cho biết pháp luật quy định như thế nào về việc mang thai hộ, trường hợp của chị Minh có được phép nhờ người khác mang thai hộ hay không?**

**Trả lời:**

Mang thai hộ là điểm mới rất quan trọng thể hiện ý nghĩa nhân đạo, nhân văn trong chính sách hôn nhân - gia đình của Đảng, Nhà nước ta, đã được luật hóa trong Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, không phải trong mọi trường hợp người vợ không có khả năng mang thai, khả năng sinh con cũng có quyền nhờ người khác mang thai hộ. Pháp luật quy định rõ ràng mục đích, điều kiện để thực hiện việc mang thai hộ.

Theo đó, mang thai hộ chỉ được thực hiện vì một mục đích duy nhất, đó là mục đích nhân đạo. Đồng thời, việc mang thai hộ vì mục đích nhân đạo phải đáp ứng được những điều kiện nhất định theo quy định tại Điều 95 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014:

*“1. Việc mang thai hộ vì mục đích nhân đạo phải được thực hiện trên cơ sở tự nguyện của các bên và được lập thành văn bản.*

*2. Vợ chồng có quyền nhờ người mang thai hộ khi có đủ các điều kiện sau đây:*

*a) Có xác nhận của tổ chức y tế có thẩm quyền về việc người vợ không thể mang thai và sinh con ngay cả khi áp dụng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản;*

*b) Vợ chồng đang không có con chung;*

*c) Đã được tư vấn về y tế, pháp lý, tâm lý.*

*3. Người được nhờ mang thai hộ phải có đủ các điều kiện sau đây:*

*a) Là người thân thích cùng hàng của bên vợ hoặc bên chồng nhờ mang thai hộ;*

*b) Đã từng sinh con và chỉ được mang thai hộ một lần;*

*c) Ở độ tuổi phù hợp và có xác nhận của tổ chức y tế có thẩm quyền về khả năng mang thai hộ;*

*d) Trường hợp người phụ nữ mang thai hộ có chồng thì phải có sự đồng ý bằng văn bản của người chồng;*

*đ) Đã được tư vấn về y tế, pháp lý, tâm lý.*

*4. Việc mang thai hộ vì mục đích nhân đạo không được trái với quy định của pháp luật về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản.*

*5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này”.*

Như vậy, chị Minh có thể tính tới chuyện nhờ người khác mang thai hộ nhưng chị phải đảm bảo đáp ứng được điều kiện, mục đích của việc mang thai hộ theo các quy định nêu trên.

**Tình huống 54. Do nghi ngờ vợ ngoại tình với một đồng nghiệp ở cơ quan, trong những lần hai vợ chồng cãi nhau, anh Sang thường nói to cho bà con xung quanh nghe thấy. Không chịu nổi cách hành xử của chồng, vợ anh đã bỏ về nhà bố, mẹ để sống ly thân, anh Sang còn viết thư nặc danh gửi đến cơ quan vợ, photo, phát tán thư ở khu dân cư nơi vợ chồng anh cư trú nhằm hạ thấp danh dự, nhân phẩm của chị. Hành vi nêu trên của anh Sang có vi phạm pháp luật hay không? Nếu có sẽ bị pháp luật xử lý như thế nào?**

**Trả lời:**

Hành vi nói xấu vợ với những người xung quanh, phát tờ rơi nói xấu bôi nhọ danh dự vợ của anh Sang là hành vi cố ý xúc phạm danh dự, nhân phẩm thành viên gia đình được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Luật Phòng chống bạo lực gia đình năm 2007.

Hành vi này bị xử phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 51 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình. Ngoài ra, anh còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo khoản 3 Điều 51 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP, buộc anh phải xin lỗi công khai khi vợ anh có yêu cầu; thu hồi thư anh đã phát tán.

**Tình huống 55. Anh Nhu và chị Vi cùng tốt nghiệp đại học và làm việc chung trong một Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh. Trong khoảng thời gian học và làm việc, hai anh chị đã phát sinh tình cảm và dọn về sống chung như vợ chồng (chưa đăng ký kết hôn); toàn bộ thu nhập của anh Nhu được Công ty chuyển vào thẻ ATM của anh nên anh đưa luôn thẻ ATM của mình để chị Vi quản lý. Thời gian sau này, anh Nhu có tình cảm với một người phụ nữ khác và nhiều lần bị chị Vi phát hiện. Do vậy, chị Vi thường xuyên chửi mắng, lăng mạ và đập phá làm hư hỏng xe máy của anh Nhu; chị cũng đập vỡ điện thoại iphone của anh Nhu và kiểm soát toàn bộ thu nhập của anh làm cho anh bị lệ thuộc chị về tài chính. Trong trường hợp trên có phải là hành vi bạo lực gia đình?**

**Trả lời:**

Các hành vi bạo lực gia đình được quy định tại Khoản 1 Điều 2 Luật phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007. Trong đó có các hành vi sau: “lăng mạ hoặc hành vi cố ý khác xâm phạm danh dự, nhân phẩm”; “Chiếm đoạt, huỷ hoại, đập phá hoặc có hành vi khác cố ý làm hư hỏng tài sản riêng của thành viên khác trong gia đình hoặc tài sản chung của các thành viên gia đình”; “cưỡng ép thành viên gia đình lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của họ;



kiểm soát thu nhập của thành viên gia đình nhằm tạo ra tình trạng phụ thuộc về tài chính” là các hành vi trong số những hành vi bạo lực gia đình.

Ngoài ra, Khoản 2 Điều 2 của Luật này còn quy định: Các hành vi bạo lực gia đình nêu trên cũng được áp dụng đối với thành viên gia đình của vợ, chồng đã ly hôn hoặc nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng.

Như vậy, đối chiếu với quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 2 Luật phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007, xác định hành vi của chị Vi đối với anh Nhu là hành vi bạo lực gia đình.

**Tình huống 56. Chiếc xe máy thường để chở hàng phục vụ đời sống trong gia đình là tài sản chung của vợ chồng anh Cảnh nhưng chỉ ghi tên vợ anh Cảnh trong giấy đăng ký xe. Xin hỏi, vợ anh Cảnh có được tự mình bán chiếc xe máy đó không?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 35 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc định đoạt tài sản chung phải có sự thỏa thuận bằng văn bản của vợ chồng trong những trường hợp sau đây:

- a) Bất động sản;
- b) Động sản mà theo quy định của pháp luật phải đăng ký quyền sở hữu;
- c) Tài sản đang là nguồn tạo ra thu nhập chủ yếu của gia đình.

Vì vậy, mặc dù chiếc xe máy này chỉ ghi tên vợ anh Cảnh trong giấy đăng ký xe nhưng nó là tài sản chung, là nguồn tạo ra thu nhập chủ yếu của gia đình và việc quyết định bán chiếc xe máy phải có sự thỏa thuận đồng ý bằng văn bản của vợ chồng anh Cảnh. Vợ anh Cảnh có thể tự mình bán chiếc xe máy nhưng phải có sự ủy quyền của anh Cảnh.

Trong trường hợp vợ anh Cảnh tự mình bán chiếc xe máy với người thứ ba chưa được sự đồng ý, ủy quyền của anh Cảnh thì giao dịch đó vô hiệu.

**Tình huống 57. Cuối năm nay Thanh dự định lập gia đình. Bố mẹ muốn tặng cho Thanh căn hộ mà ông bà đã mua để Thanh ở từ khi học đại học đến nay. Nhưng phải đợi Thanh cưới vợ xong thì mới làm thủ tục chuyển sở hữu. Biết chuyện đó, cô em họ bố Thanh khuyên hãy sang tên cho Thanh trước khi cưới. Vì có như vậy thì căn hộ đó mới thuộc sở hữu riêng của Thanh. Đề nghị cho biết thời điểm chuyển quyền sở hữu căn hộ diễn ra trước hoặc sau khi Thanh kết hôn có ảnh hưởng tới việc quyền sở hữu tài sản hay không?**

**Trả lời:**

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định vợ, chồng có quyền có tài sản riêng. Tài sản riêng của vợ, chồng gồm tài sản mà mỗi người có trước khi kết hôn; tài sản được thừa kế, được tặng cho riêng trong thời kỳ hôn nhân; tài

sản được chia riêng cho vợ, chồng theo quy định pháp luật; tài sản phục vụ nhu cầu thiết yếu của vợ, chồng và tài sản khác theo quy định của pháp luật thuộc sở hữu riêng của vợ, chồng. Tài sản được hình thành từ tài sản riêng của vợ, chồng cũng là tài sản riêng của vợ, chồng.

Việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản riêng của vợ chồng được thực hiện theo quy định tại Điều 44 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Cụ thể:

- Vợ, chồng có quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản riêng của mình; nhập hoặc không nhập tài sản riêng vào tài sản chung.

- Trong trường hợp vợ hoặc chồng không thể tự mình quản lý tài sản riêng và cũng không ủy quyền cho người khác quản lý thì bên kia có quyền quản lý tài sản đó. Việc quản lý tài sản phải bảo đảm lợi ích của người có tài sản.

- Nghĩa vụ riêng về tài sản của mỗi người được thanh toán từ tài sản riêng của người đó.

- Trong trường hợp vợ, chồng có tài sản riêng mà hoa lợi, lợi tức từ tài sản riêng đó là nguồn sống duy nhất của gia đình thì việc định đoạt tài sản này phải có sự đồng ý của chồng, vợ.

Như vậy, đối với trường hợp nêu trên, thời điểm bố mẹ Thanh thực hiện chuyển quyền sở hữu nhà ở (căn hộ) cho con trai không ảnh hưởng tới việc xác định tài sản riêng, tài sản chung của vợ, chồng. Sau khi Thanh kết hôn, nếu bố mẹ Thanh muốn tặng cho riêng thì căn hộ đó được xác định là tài sản riêng của Thanh.

**Tình huống 58. Liễu và Thành yêu nhau, dự định năm sau sẽ chuẩn bị đám cưới do cả hai đã gần 30 tuổi. Tuy nhiên, khi người nhà hai bên của Liễu, Thành gặp nhau thì mới vỡ lẽ là hai gia đình có quen biết nhau, Liễu là cháu ruột của thím Thành. Liễu băn khoăn không biết có thể kết hôn với Thành có vi phạm pháp luật hay không?**

**Trả lời:**

Trường hợp của Liễu và Thành có thể kết hôn vì không vi phạm điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Cụ thể, theo Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cấm kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, cha chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, cha dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng.

Quan hệ giữa Liễu và Thành không có cùng dòng máu về trực hệ cũng không trong phạm vi ba đời nên Liễu và Thành có thể kết hôn nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

**Tình huống 59. Nhi (16 tuổi) sinh ra trong một gia đình nghèo, đông con. Gần đây qua mai mối, cha mẹ muốn Nhi lấy chồng là một người đàn ông ở xóm bên, tương đối thành đạt để em có cuộc sống tốt hơn và phụ giúp**

**được kinh tế gia đình. Nhi không đồng ý thì bị cha mẹ ép buộc. Hỏi cha mẹ Nhi ép buộc em như vậy thì sẽ xử lý thế nào?**

**Trả lời:**

Việc cha mẹ Nhi ép buộc em kết hôn với người đàn ông ở xóm bên được xem là hành vi tổ chức tảo hôn, vì Nhi chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định. Điểm a Khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định độ tuổi kết hôn đối với nam là từ đủ 20 tuổi và đối với nữ là từ đủ 18 tuổi trở lên.

Người có hành vi tảo hôn, tổ chức tảo hôn sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 58 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Theo đó, cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức lấy vợ, lấy chồng cho người chưa đủ tuổi kết hôn; phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức lấy vợ, lấy chồng cho người chưa đủ tuổi kết hôn.

Ngoài ra, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định tội tổ chức tảo hôn tại Điều 183. Theo đó, người có hành vi tổ chức việc lấy vợ, lấy chồng cho những người chưa đến tuổi kết hôn, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm.

**Tình huống 60. Anh Bình và chị Loan dự định đi đăng ký kết hôn trước khi tổ chức lễ cưới 02 tháng. Tuy nhiên, anh chị lại có hộ khẩu thường trú ở hai nơi khác nhau. Anh chị muốn biết cần phải đến cơ quan nào để giải quyết thủ tục đăng ký kết hôn, và cần thực hiện các thủ tục gì?**

**Trả lời:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 17 Luật Hộ tịch năm 2014 thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của một trong hai bên nam, nữ thực hiện đăng ký kết hôn. Như vậy, pháp luật không quy định cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn là nơi bên nam hay bên nữ cư trú, mà tùy thuộc vào lựa chọn của người đi đăng ký kết hôn. Anh Bình và chị Loan có quyền lựa chọn và thống nhất Ủy ban nhân dân cấp xã nơi anh hay nơi chị cư trú để đăng ký kết hôn.

Người đi đăng ký kết hôn phải có Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (kể cả trường hợp chưa đăng ký kết hôn lần nào).

Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân như sau:

+ Người yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân nộp Tờ khai cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (theo mẫu quy định tại Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch). Trường hợp yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân nhằm mục đích kết hôn thì

người yêu cầu phải đáp ứng đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Trường hợp người yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân đã có vợ hoặc chồng nhưng đã ly hôn hoặc người vợ hoặc chồng đã chết thì phải xuất trình hoặc nộp giấy tờ hợp lệ để chứng minh (như Quyết định công nhận thuận tình ly hôn; Quyết định tuyên bố một người là đã chết; Giấy chứng tử hoặc trích lục khai tử).

+ Xuất trình hộ chiếu/chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân và sổ hộ khẩu.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, công chức Tư pháp - Hộ tịch kiểm tra, xác minh tình trạng hôn nhân của người có yêu cầu. Nếu người yêu cầu có đủ điều kiện, việc cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân là phù hợp quy định pháp luật thì công chức Tư pháp - Hộ tịch trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân ký cấp 01 bản Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho người có yêu cầu. Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân có giá trị 6 tháng kể từ ngày cấp, hết thời hạn này mà cá nhân chưa sử dụng để đăng ký kết hôn và có yêu cầu cấp lại Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân thì phải nộp lại Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đã được cấp trước đó.

Thủ tục đăng ký kết hôn được quy định tại Điều 18 Luật Hộ tịch năm 2014 như sau:

- Hai bên nam, nữ nộp những giấy tờ sau cho cơ quan đăng ký hộ tịch và cùng có mặt khi đăng ký kết hôn:

+ Tờ khai đăng ký kết hôn (mẫu Tờ khai quy định tại Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp). Người yêu cầu có thể xin mẫu Tờ khai này từ công chức Tư pháp – Hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã;

+ Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân;

+ Xuất trình hộ chiếu/chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân của cả hai bên;

+ Xuất trình sổ hộ khẩu của một bên nam hoặc bên nữ có nơi thường trú tại địa phương tiến hành đăng ký kết hôn.

Ngay sau khi nhận đủ giấy tờ nêu trên, nếu thấy đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, công chức Tư pháp - Hộ tịch ghi việc kết hôn vào Sổ hộ tịch, cùng hai bên nam, nữ ký tên vào Sổ hộ tịch. Hai bên nam, nữ cùng ký vào Giấy chứng nhận kết hôn; công chức Tư pháp - Hộ tịch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức trao Giấy chứng nhận kết hôn cho hai bên nam, nữ.

Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc.

**Tình huống 61. Muốn trở thành vợ chồng, anh Cư và anh Kiên đã tổ chức đám cưới với nhau bỏ mặc lời khuyên can của gia đình, họ hàng. Sau đó cả hai có nguyện vọng đi đăng ký kết hôn. Đề nghị cho biết họ có được đăng ký kết hôn không? Pháp luật có cấm người đồng giới kết hôn không? Họ có được nhận nuôi con nuôi và đề nghị Tòa án xử cho ly hôn không?**

**Trả lời:**

Trước đây Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định cấm kết hôn giữa những người cùng giới tính. Tuy nhiên, hiện nay, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2015), quy định “Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính” (Khoản 2 Điều 8).

Như vậy, hiện nay pháp luật không cấm người cùng giới tính chung sống với nhau, nhưng cũng không thừa nhận hôn nhân giữa họ với nhau. Do vậy, nếu người cùng giới tính đề nghị Ủy ban nhân dân thực hiện đăng ký kết hôn cho họ thì Ủy ban nhân dân sẽ từ chối việc đăng ký kết hôn. Nếu những người cùng giới tính tổ chức đám cưới và sống chung với nhau thì pháp luật không cấm, nhưng giữa họ không hình thành quan hệ vợ chồng. Trường hợp họ muốn nhận con nuôi thì chỉ một người được nhận con nuôi theo quy định của Luật Nuôi con nuôi và người kia không trở thành cha nuôi hay mẹ nuôi của trẻ em được nhận làm con nuôi. Trong trường hợp họ không tiếp tục chung sống với nhau nữa mà đề nghị Tòa án cho ly hôn thì Tòa án sẽ từ chối thụ lý vụ án, tài sản của họ sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

**Tình huống 62. Khi lấy anh Cường làm chồng, chúng tôi chỉ tổ chức đám cưới mà chưa kịp đi đăng ký kết hôn. Nhưng sau khi cưới được 02 tháng, chồng tôi phải đi công tác dài ngày nên chúng tôi vẫn chưa đăng ký kết hôn được. Sau này, tôi có nhắc chồng đi đăng ký kết hôn thì anh cứ khất lẩn. Mẹ chồng tôi cũng bảo: đăng ký không quan trọng gì, miễn là vợ chồng sống hạnh phúc với nhau. Hơn 01 năm vợ chồng tôi nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tôi phải về nhà mẹ đẻ để sinh sống. Nay tôi muốn ly hôn với chồng tôi thì cần thực hiện thủ tục gì? Giữa chúng tôi chưa có con chung và không có tài sản gì.**

**Trả lời:**

Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

Việc bạn lấy anh Cường làm chồng mà không có đăng ký kết hôn thì quan hệ hôn nhân của bạn chưa được nhà nước công nhận, do đó, về mặt pháp lý thì bạn không phải là vợ của anh Cường và anh Cường cũng không phải là chồng của bạn. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng

mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Do giữa bạn và anh Cường chưa có con chung, không có tài sản gì, cũng không phải là vợ chồng theo quy định của pháp luật, vì vậy bạn hoàn toàn có thể bỏ anh Cường mà không cần thực hiện bất kỳ thủ tục gì tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**Tình huống 63. Anh Toàn là chồng chị An bị tai nạn giao thông dẫn đến mất năng lực hành vi dân sự, đã được tòa án tuyên bố là bị mất năng lực hành vi dân sự. Vừa qua mẹ anh Toàn qua đời (ba anh đã mất trước đó 06 năm), bà để lại di sản thừa kế cho các con gồm quyền sử dụng đất ở và một số tài sản khác. Do không có di chúc nên các con bà tổ chức cuộc họp để chia di sản. Xin hỏi, chị An có được đại diện cho chồng tham gia vào cuộc họp chia di sản của ba mẹ chồng không?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 24 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ, chồng đại diện cho nhau khi một bên mất năng lực hành vi dân sự mà bên kia có đủ điều kiện làm người giám hộ hoặc khi một bên bị hạn chế năng lực hành vi dân sự mà bên kia được Tòa án chỉ định làm người đại diện theo pháp luật cho người đó, trừ trường hợp theo quy định của pháp luật thì người đó phải tự mình thực hiện quyền, nghĩa vụ có liên quan.

Như vậy, chị An (khi có đủ điều kiện làm người giám hộ) sẽ đại diện cho chồng là anh Toàn để tham gia thực hiện các giao dịch dân sự thay cho anh Toàn. Vì vậy, chị hoàn toàn có quyền đại diện cho chồng tham gia cuộc họp với các anh chị em bên chồng để bàn về việc chia di sản thừa kế của bố mẹ anh Toàn.

**Tình huống 64. Bà Vi mua vé xổ số và trúng giải đặc biệt nên bà cho rằng đây là tài sản riêng của bà. Chồng bà cho rằng đây tài sản chung của hai vợ chồng vì khoản thu nhập phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Hai bên đã nảy sinh mâu thuẫn. Vậy, tiền trúng xổ số là tài sản chung hay tài sản riêng của vợ chồng bà Vi?**

**Trả lời:**

Tiền trúng thưởng xổ số của bà Vi được xác định là tài sản chung của vợ chồng theo Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và thu nhập hợp pháp khác trong thời kỳ hôn nhân, trừ trường hợp chia tài sản chung của vợ chồng và hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng sau khi chia tài sản chung; tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc được tặng cho chung và tài sản khác mà vợ chồng thỏa thuận là tài sản chung.

Quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp vợ hoặc chồng được thừa kế riêng, được tặng cho riêng hoặc có được thông qua giao dịch bằng tài sản riêng.

Trong đó, thu nhập hợp pháp khác trong thời kỳ hôn nhân (Điều 9 Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình) bao gồm:

- Khoản tiền thưởng, tiền trúng thưởng xổ số, tiền trợ cấp (trừ khoản trợ cấp, ưu đãi mà vợ, chồng được nhận theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng; quyền tài sản khác gắn liền với nhân thân của vợ, chồng).

- Tài sản mà vợ, chồng được xác lập quyền sở hữu theo quy định của Bộ luật dân sự đối với vật vô chủ, vật bị chôn giấu, bị chìm đắm, vật bị đánh rơi, bị bỏ quên, gia súc, gia cầm bị thất lạc, vật nuôi dưới nước.

- Thu nhập hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (Điều 9 Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hôn nhân và gia đình).

Như vậy, tiền trúng thưởng xổ số được xác định là tài sản chung của vợ chồng bà Vi theo quy định hiện hành.

## CHUYÊN ĐỀ 6

### PHÁP LUẬT VỀ LAO ĐỘNG

**Tình huống 65. Chị Sang xin đi làm công nhân, nhưng công ty may F chỉ tuyển lao động có bằng cấp ba, mà chị Sang mới học hết lớp 9. Chị Sang đã mượn bằng cấp ba của chị họ để xin đi làm công nhân ở công ty may F và được nhận vào. Một thời gian sau chị bị phát hiện là khai bằng cấp không đúng, vậy chị Sang đã vi phạm quy định nào của pháp luật về lao động?**

**Trả lời:**

Trường hợp của chị Sang đã vi phạm quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động tại Điều 16 Bộ luật Lao động năm 2019, theo đó:

1. Người sử dụng lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người lao động về công việc, địa điểm làm việc, điều kiện làm việc, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, an toàn, vệ sinh lao động, tiền lương, hình thức trả lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, quy định về bảo vệ bí mật kinh doanh, bảo vệ bí mật công nghệ và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người lao động yêu cầu.

2. Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu.

**Tình huống 66. Chị Ánh mở một siêu thị nhỏ ở nhà. Do bận con mọn, chị phải thuê một người làm thu ngân. Do đặc điểm thu ngân được quản lý tiền, sợ người làm không trung thực, nên chị Ánh yêu cầu người đó phải đưa giấy tờ tùy thân cho chị giữ, chị mới cho ký kết hợp đồng lao động. Chị Ánh có được quyền làm như vậy không?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Bộ luật Lao động năm 2019 thì chị Ánh không được quyền giữ bản chính giấy tờ tùy thân của người được thuê làm thu ngân. Nếu muốn giữ giấy tờ tùy thân của người đó làm bằng, chị có thể yêu cầu người đó cho giữ bản photo giấy tờ tùy thân hoặc bản sao có chứng thực. Đây là một trong các hành vi mà người sử dụng lao động không được làm khi giao kết, thực hiện hợp đồng lao động, bao gồm các hành vi: Giữ bản chính giấy tờ tùy thân, văn bằng, chứng chỉ của người lao động; Yêu cầu người lao động phải thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tiền hoặc tài sản khác cho việc thực hiện hợp đồng lao động; Buộc người lao động thực hiện hợp đồng lao động để trả nợ cho người sử dụng lao động.



**Tình huống 67. Chị Linh là kế toán cho doanh nghiệp H. Để tăng thu nhập, chị nhận thêm việc quyết toán thuế cho một số cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ vào cuối tháng và có ký kết hợp đồng lao động với các cơ sở kinh doanh này. Việc làm này của chị Linh có hợp pháp không?**

**Trả lời:**

Theo quy định của pháp luật lao động, chị Linh có quyền giao kết nhiều hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động nhưng phải bảo đảm thực hiện đầy đủ các nội dung đã giao kết.

Người lao động đồng thời giao kết nhiều hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động thì việc tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và an toàn, vệ sinh lao động.

*(Điều 19 Bộ luật Lao động năm 2019)*

**Tình huống 68. An tốt nghiệp đại học và được nhận vào một công ty kinh doanh tài chính. Công ty quy định thời gian thử việc là 02 tháng, mức lương thử việc bằng 70% mức lương của công việc cho một người chính thức. An thấy như vậy là không hợp lý vì mình cũng làm như người khác mà chỉ nhận được 70% lương là không công bằng. An có thể đòi quyền lợi cho mình không?**

**Trả lời:**

Theo quy định của pháp luật lao động tại khoản 2 Điều 25 Bộ luật Lao động năm 2019 về thời gian thử việc thì đối với vị trí công việc của A hiện tại, cần người có trình độ đại học thì thời gian thử việc 02 tháng là đúng quy định pháp luật. (Điều 25: Thời gian thử việc do hai bên thỏa thuận căn cứ vào tính chất và mức độ phức tạp của công việc nhưng chỉ được thử việc một lần đối với một công việc và bảo đảm điều kiện sau đây: 1. Không quá 180 ngày đối với công việc của người quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; 2. Không quá 60 ngày đối với công việc có chức danh nghề nghiệp cần trình độ chuyên môn, kỹ thuật từ cao đẳng trở lên; 3. Không quá 30 ngày đối với công việc có chức danh nghề nghiệp cần trình độ chuyên môn, kỹ thuật trung cấp, công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ; 4. Không quá 06 ngày làm việc đối với công việc khác.)

Tuy nhiên mức lương An được nhận là không đúng quy định của pháp luật, theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Lao động năm 2019 thì tiền lương của người lao động trong thời gian thử việc do hai bên thỏa thuận nhưng ít nhất phải bằng 85% mức lương của công việc đó. Như vậy An có thể căn cứ vào quy định này để đòi quyền lợi về tiền lương cho mình.

Pháp luật cũng quy định không áp dụng thử việc đối với người lao động giao kết hợp đồng lao động có thời hạn dưới 01 tháng.

**Tình huống 69. Do mẹ bệnh nặng, nhà lại neo người nên tôi làm đơn xin công ty cho nghỉ không lương 01 tháng về quê chăm mẹ. Do bệnh bà trở nặng tôi đã ở quê thêm 10 ngày nữa và có gọi điện thông báo với công ty. Thực tế tôi nghỉ 01 tháng 10 ngày, rồi tôi trở lại làm việc nhưng không được công ty nhận lại với lý do tôi nghỉ quá thời gian đã xin phép, như vậy là vi phạm kỷ luật công ty họ được đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với tôi. Xin hỏi công ty trả lời như vậy có đúng không?**

**Trả lời:**

Việc bạn xin nghỉ không lương 01 tháng, theo quy định của luật lao động là bạn và công ty thỏa thuận tạm hoãn việc thực hiện hợp đồng lao động trong 01 tháng. Bạn nghỉ thêm 10 ngày ở quê, sau đó đến công ty làm việc được không được nhận lại là công ty đã vi phạm quy định của luật lao động. Cụ thể, Điều 31 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định việc nhận lại người lao động hết thời hạn tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động như sau:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, người lao động phải có mặt tại nơi làm việc và người sử dụng lao động phải nhận người lao động trở lại làm công việc theo hợp đồng lao động đã giao kết nếu hợp đồng lao động còn thời hạn, trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định khác.

Như vậy, chưa quá 15 ngày kể từ ngày hết hạn tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động bạn đã có mặt tại công ty làm việc, bạn đã thực hiện đúng theo quy định của luật lao động, theo đó công ty không có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bạn. Bạn có thể khiếu nại lên công ty hoặc khiếu kiện công ty để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình.

**Tình huống 70. Sau khi về hưu, do có chuyên môn về giám định trang sức, tôi có nhận lời làm việc cho một công ty vàng bạc đá quý, nhưng tôi muốn chỉ đi làm 3 ngày trong tuần, vì tôi muốn dành thời gian nghỉ ngơi, giúp đỡ con cháu. Tôi có được yêu cầu như vậy với công ty không? Quyền lợi của tôi có gì khác những người làm toàn thời gian không?**

**Trả lời:**

Trường hợp của ông/bà theo luật lao động là làm việc không trọn thời gian, cụ thể: Người lao động làm việc không trọn thời gian là người lao động có thời gian làm việc ngắn hơn so với thời gian làm việc bình thường theo ngày hoặc theo tuần hoặc theo tháng được quy định trong pháp luật về lao động, thỏa ước lao động tập thể hoặc nội quy lao động.

Người lao động được thỏa thuận với người sử dụng lao động làm việc không trọn thời gian khi giao kết hợp đồng lao động. Như vậy, ông/bà được yêu cầu công ty cho làm việc 3 ngày trong tuần. Còn về quyền lợi thì người lao động làm việc không trọn thời gian được hưởng lương; bình đẳng trong thực hiện quyền và nghĩa vụ với người lao động làm việc trọn thời gian; bình đẳng về cơ hội, không bị phân biệt đối xử, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động.

*(Điều 32 Bộ luật Lao động năm 2019)*

**Tình huống 71. Chị Thúy đang kế toán cho công ty X theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Nay chị Thúy lập gia đình và chuyển đến thành phố khác sinh sống. Chị Thúy có thể chấm dứt hợp đồng lao động với công ty X được không?**

**Trả lời:**

Theo khoản 1 Điều 35 Bộ luật Lao động năm 2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021, người lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động nhưng phải báo trước cho người sử dụng lao động như sau:

- Ít nhất 45 ngày nếu làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn;

- Ít nhất 30 ngày nếu làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng;

- Ít nhất 03 ngày làm việc nếu làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn dưới 12 tháng;

- Đối với một số ngành, nghề, công việc đặc thù thì thời hạn báo trước được thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Chị Thúy đang làm việc cho công ty X theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, nếu muốn nghỉ việc, chị có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động nhưng phải báo trước cho công ty X trước 45 ngày.

**Tình huống 72. Công ty trách nhiệm hữu hạn X ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn với anh Bảo. Anh Bảo bị chấn thương đốt sống do tai nạn giao thông, đã nằm bệnh viện điều trị hơn 1 năm vẫn chưa bình phục nên Công ty X quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với anh Bảo. Xin hỏi, công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với anh Bảo là đúng hay sai? Trước khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, người lao động có được báo trước không?**

**Trả lời:**

Điều b, khoản 1 Điều 36 Bộ luật Lao động năm 2019, có hiệu lực ngày 01/01/2021 quy định: “Người lao động bị ốm đau, tai nạn đã điều trị 12 tháng liên tục đối với người làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn hoặc đã điều trị 06 tháng liên tục đối với người làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng hoặc quá nửa thời hạn hợp đồng lao động đối với người làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn dưới 12 tháng mà khả năng lao động chưa hồi phục.

*Khi sức khỏe của người lao động bình phục thì người sử dụng lao động xem xét để tiếp tục giao kết hợp đồng lao động với người lao động”*

Anh Bảo làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn với công ty X, bị tai nạn đã điều trị liên tục hơn 01 năm nhưng chưa bình phục. Do vậy, việc công ty X có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với anh Bảo.

Tuy nhiên, theo khoản 2 Điều 36 Bộ luật Lao động năm 2019, trong trường hợp này, khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động Công ty X phải báo trước cho anh Bảo biết trước ít nhất 45 ngày.

**Tình huống 73. Chị Yến làm việc cho một công ty nước ngoài và được ký hợp đồng có thời hạn 02 năm từ tháng 12/2019 đến tháng 12/2021. Giả sử, năm 2021 chị Yến mang thai và sinh con vào tháng 11/2021. Vậy tới ngày hết hạn hợp đồng lao động (12/2021), công ty có quyền chấm dứt hợp đồng với chị Yến không?**

**Trả lời:**

Khoản 3 Điều 137 Bộ luật Lao động năm 2019, có hiệu lực ngày 01/01/2021 quy định: “*Người sử dụng lao động không được sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động vì lý do kết hôn, mang thai, nghỉ thai sản, nuôi con dưới 12 tháng tuổi, trừ trường hợp người sử dụng lao động là cá nhân chết, bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, mất tích hoặc đã chết hoặc người sử dụng lao động không phải là cá nhân chấm dứt hoạt động hoặc bị cơ quan chuyên môn về đăng ký kinh doanh thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra thông báo không có người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.*”

*Trường hợp hợp đồng lao động hết hạn trong thời gian lao động nữ mang thai hoặc nuôi con dưới 12 tháng tuổi thì được ưu tiên giao kết hợp đồng lao động mới.”*

- Khoản 1 điều 34 Bộ luật Lao động quy định về chấm dứt hợp đồng lao động khi hết hạn hợp đồng lao động.

Trong tình huống trên, hợp đồng lao động của chị Yến có hiệu lực từ tháng 12/2019 đến tháng 12/2021 là hợp đồng lao động có xác định thời hạn 2 năm. Có thể xử lý theo 02 trường hợp sau:

**Trường hợp 1:** Trước khi hết hạn hợp đồng lao động nếu chị Yến có nhu cầu tiếp tục làm việc tại công ty thì người sử dụng lao động phải ưu tiên giao kết hợp đồng lao động mới với chị Yến.

**Trường hợp 2:** Nếu trước khi hết hiệu lực hợp đồng lao động mà 2 bên không có thỏa thuận gì bằng văn bản thì công ty có quyền chấm dứt hợp đồng lao động với chị Yến vào thời điểm tháng 12/2021 mà không phụ thuộc vào việc chị Yến mang thai hay không.

Vậy để đảm bảo quyền lợi của mình, trước khi hết hạn hợp đồng, chị Yến nên đề nghị, thỏa thuận cụ thể với người sử dụng lao động để được ký tiếp hợp đồng lao động nếu hai bên có nhu cầu.

**Tình huống 74. Chị Thanh làm việc cho công ty A theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn từ tháng 6 năm 2015. Đến tháng 7/2021, công ty A tuyên bố phá sản và chuyển nhượng toàn bộ nhà máy và nhân sự cho**

**công ty B. Chị Thanh bị công ty B cho thôi việc. Xin hỏi, chị Thanh có được hưởng trợ cấp mất việc làm hay không?**

**Trả lời:**

Trong trường hợp này, hợp đồng lao động giữa chị Thanh và công ty A bị chấm dứt theo trường hợp người sử dụng lao động cho người lao động thôi việc do chuyển nhượng quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã (khoản 11 Điều 34 Bộ luật Lao động năm 2019).

Chị T được hưởng trợ cấp mất việc làm theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Lao động năm 2019:

1. Người sử dụng lao động trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động đã làm việc thường xuyên cho mình từ đủ 12 tháng trở lên mà bị mất việc làm theo quy định tại khoản 11 Điều 34 của Bộ luật này, cứ mỗi năm làm việc trả 01 tháng tiền lương nhưng ít nhất bằng 02 tháng tiền lương.

2. Thời gian làm việc để tính trợ cấp mất việc làm là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm.

3. Tiền lương để tính trợ cấp mất việc làm là tiền lương bình quân của 06 tháng liền kề theo hợp đồng lao động trước khi người lao động mất việc làm.

**Tình huống 75. Công ty nơi tôi làm việc có ký hợp đồng học nghề với người lao động. Sau 1 tháng học nghề thì công ty sẽ ký hợp đồng chính thức nếu đạt yêu cầu. Xin hỏi theo quy định của pháp luật, việc công ty tôi tổ chức cho người lao động học nghề như vậy có đúng pháp luật không?**

**Trả lời:**

Điều 61 Bộ luật Lao động năm 2019, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 quy định về học nghề, tập nghề để làm việc cho người sử dụng lao động như sau:

- Học nghề để làm việc cho người sử dụng lao động là việc người sử dụng lao động tuyển người vào để đào tạo nghề nghiệp tại nơi làm việc. Thời gian học nghề theo chương trình đào tạo của từng trình độ theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp.

- Tập nghề để làm việc cho người sử dụng lao động là việc người sử dụng lao động tuyển người vào để hướng dẫn thực hành công việc, tập làm nghề theo vị trí việc làm tại nơi làm việc. Thời hạn tập nghề không quá 03 tháng.

- Người sử dụng lao động tuyển người vào học nghề, tập nghề để làm việc cho mình thì không phải đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; không được thu học phí; phải ký hợp đồng đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp.

- Trong thời gian học nghề, tập nghề, nếu người học nghề, người tập nghề trực tiếp hoặc tham gia lao động thì được người sử dụng lao động trả lương theo mức do hai bên thỏa thuận.

- Hết thời hạn học nghề, tập nghề, hai bên phải ký kết hợp đồng lao động khi đủ các điều kiện theo quy định của Bộ luật Lao động.

Như vậy, việc công ty của bạn tổ chức cho người lao động học nghề là không trái với quy định pháp luật.

**Tình huống 76. Tôi mới về làm việc tại doanh nghiệp chuyên sản xuất bao bì sản phẩm với quy mô khoảng gần 200 người lao động. Hiện tại tôi đang tìm hiểu các quy định về đối thoại tại nơi làm việc. Xin hỏi theo quy định của pháp luật hiện hành, người sử dụng lao động phải tổ chức đối thoại tại nơi làm việc trong những trường hợp nào?**

**Trả lời:**

Đối thoại tại nơi làm việc là việc chia sẻ thông tin, tham khảo, thảo luận, trao đổi ý kiến giữa người sử dụng lao động với người lao động hoặc tổ chức đại diện người lao động về những vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích và mối quan tâm của các bên tại nơi làm việc nhằm tăng cường sự hiểu biết, hợp tác, cùng nỗ lực hướng tới giải pháp các bên cùng có lợi.

Theo khoản 2 Điều 63 Bộ luật Lao động năm 2019, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021, người sử dụng lao động phải tổ chức đối thoại tại nơi làm việc trong những trường hợp sau đây:

- Định kỳ ít nhất 01 năm một lần;
- Khi có yêu cầu của một hoặc các bên;
- Khi có vụ việc quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36, các điều 42, 44, 93, 104, 118 và khoản 1 Điều 128 của Bộ luật Lao động.

**Tình huống 77. An là công nhân của xưởng chế tác gỗ, trong một lần làm việc, An lỡ làm hỏng máy cắt gỗ của xưởng, phải bồi thường thiệt hại. Chủ xưởng cho biết sẽ khấu trừ vào tiền lương của An. Đề nghị cho biết mức khấu trừ tiền lương là bao nhiêu?**

**Trả lời:**

Điều 102 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định: Người sử dụng lao động chỉ được khấu trừ tiền lương của người lao động để bồi thường thiệt hại do làm hư hỏng dụng cụ, thiết bị, tài sản của người sử dụng lao động. Mức khấu trừ tiền lương hằng tháng không được quá 30% tiền lương thực trả hằng tháng của người lao động sau khi trích nộp các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, thuế thu nhập cá nhân.

Như vậy, theo quy định trên, An sẽ bị người sử dụng lao động khấu trừ không quá 30% tiền lương tháng sau khi đã trích nộp các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, thuế thu nhập cá nhân.

**Tình huống 78. Giám đốc công ty tôi đã hứa trong năm 2021, nếu hoàn thành mọi chỉ tiêu đề ra trước thời hạn để kịp chào mừng 10 năm ngày thành lập công ty, tất cả các nhân viên đều được thưởng. Bình thường các năm trước chúng tôi hay được thưởng tiền, tuy nhiên, nhiều người vẫn mong được nhận mức thưởng theo hình thức khác như hiện vật hay một chuyến du lịch cho cả công ty. Xin hỏi, pháp luật lao động có quy định mới về thưởng không?**

**Trả lời:**

Điều 104 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định: Thưởng là số tiền hoặc tài sản hoặc bằng các hình thức khác mà người sử dụng lao động thưởng cho người lao động căn cứ vào kết quả sản xuất, kinh doanh, mức độ hoàn thành công việc của người lao động. Đây là một điểm mới so với Bộ luật Lao động năm 2012, trước đây, chỉ quy định về “tiền thưởng”. Quy chế thưởng do người sử dụng lao động quyết định và công bố công khai tại nơi làm việc sau khi tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở đối với nơi có tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở.

Như vậy, các bạn có thể đề xuất ý kiến về quy chế thưởng với giám đốc công ty thông qua tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở để được thống nhất trước khi quyết định.

**Tình huống 79. Tôi có làm gia công một số đồ chơi trẻ em phục vụ dịp tết, do cần lao công gấp, tiền lương lại không cao, nên khó thuê người làm. Gần nhà tôi có dãy nhà trọ cho học sinh, có cháu rảnh buổi chiều, có cháu rảnh buổi sáng. Tôi đã hỏi các cháu và các cháu đồng ý nhận làm thêm giúp. Khi thuê các cháu học sinh làm việc tôi phải làm thủ tục gì không?**

**Trả lời:**

Theo Điều 145 Bộ luật Lao động năm 2019, việc sử dụng người chưa thành niên làm việc nếu người lao động chưa đủ 15 tuổi thì người chủ sử dụng lao động phải tuân theo các quy định sau đây:

1. Phải giao kết hợp đồng lao động bằng văn bản với người chưa đủ 15 tuổi và người đại diện theo pháp luật của người đó;
2. Bố trí giờ làm việc không ảnh hưởng đến thời gian học tập của người chưa đủ 15 tuổi;
3. Phải có giấy khám sức khỏe của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền xác nhận sức khỏe của người chưa đủ 15 tuổi phù hợp với công việc và tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ ít nhất một lần trong 06 tháng;
4. Bảo đảm điều kiện làm việc, an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với lứa tuổi.

Ngoài ra, người sử dụng lao động chỉ được tuyển dụng và sử dụng người từ đủ 13 tuổi đến chưa đủ 15 tuổi vào làm các công việc nhẹ theo danh mục do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

Người sử dụng lao động không được tuyển dụng và sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc, trừ các công việc nghệ thuật, thể dục, thể thao nhưng không làm tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa đủ 13 tuổi và phải có sự đồng ý của cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**Tình huống 80. Vì hoàn cảnh khó khăn nên cháu Hoa vừa đi học vừa xin đi làm thêm giúp gia đình. Thấy công việc nhàn nên Hoa có xin chủ cơ sở sản xuất làm thêm giờ để tăng thu nhập và đã được đồng ý. Tuy nhiên, sau đó chủ cơ sở sản xuất xem trên ti vi thấy có cơ sở bị phạt vi phạm hành chính do sử dụng lao động dưới 15 tuổi và quá số giờ làm việc theo quy định dành cho người dưới 15 tuổi. Thấy Hoa cũng chưa đến 15 tuổi, chủ cơ sở lo sợ mình sẽ bị phạt. Chủ cơ sở sản xuất hỏi như trường hợp của Hoa thì được làm thêm bao nhiêu giờ để không bị phạt?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 146 Bộ luật Lao động năm 2019 về thời giờ làm việc của người chưa thành niên thì:

1. Thời giờ làm việc của người chưa đủ 15 tuổi không được quá 04 giờ trong 01 ngày và 20 giờ trong 01 tuần; không được làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm.

2. Thời giờ làm việc của người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi không được quá 08 giờ trong 01 ngày và 40 giờ trong 01 tuần. Người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi có thể được làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm trong một số nghề, công việc theo danh mục do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

**Tình huống 81. Em họ tôi do ham chơi lêu lổng nên đã nghỉ học khi hết cấp 2, hiện nay em 16 tuổi. Gia đình cho em đi học nghề nhưng được vài tuần đã bỏ, nói không thích học mà muốn đi làm. Vì có sức khỏe, vóc dáng cao to hơn tuổi, nên em muốn xin đi làm ở công trường xây dựng, do nghe nói ở đây lương cao, được nuôi ăn. Gia đình không muốn cho đi vì sợ nguy hiểm, do công trường đó đã từng có người chết. Công trường xây dựng có được coi là nơi nguy hiểm với lao động vị thành niên không?**

**Trả lời:**

Em họ anh/chị sẽ không được nhận vào làm tại công trường xây dựng vì đó là nơi cấm người lao động từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi làm việc. Cụ thể:

Điều 147 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định công việc và nơi làm việc cấm sử dụng người lao động từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi như sau:

1. Cấm sử dụng người lao động từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi làm các công việc sau đây:

1.1. Mang, vác, nâng các vật nặng vượt quá thể trạng của người chưa thành niên;



1.2. Sản xuất, kinh doanh cồn, rượu, bia, thuốc lá, chất tác động đến tinh thần hoặc chất gây nghiện khác;

1.3. Sản xuất, sử dụng hoặc vận chuyển hóa chất, khí gas, chất nổ;

1.4. Bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc;

1.5. Phá dỡ các công trình xây dựng;

1.6. Nấu, thổi, đúc, cán, dập, hàn kim loại;

1.7. Lặn biển, đánh bắt thủy, hải sản xa bờ;

1.8. Công việc khác gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên.

2. Cấm sử dụng người lao động từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi làm việc ở các nơi sau đây:

2.1. Dưới nước, dưới lòng đất, trong hang động, trong đường hầm;

2.2. Công trường xây dựng;

2.3. Cơ sở giết mổ gia súc;

2.4. Sòng bạc, quán bar, vũ trường, phòng hát karaoke, khách sạn, nhà nghỉ, cơ sở tắm hơi, cơ sở xoa bóp; điểm kinh doanh xổ số, dịch vụ trò chơi điện tử;

2.5. Nơi làm việc khác gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên.

**Tình huống 82. Chị Kiên làm giúp việc gia đình cho vợ chồng chị Vân và hai bên thỏa thuận thời hạn là 02 năm. Hơn 01 năm, vì hoàn cảnh gia đình chị Kiên muốn nghỉ việc về quê. Chị Vân không đồng ý, cho rằng chị Kiên đã vi phạm thời hạn hợp đồng và không trả 01 tháng tiền lương. Trường hợp này được giải quyết như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 162 Bộ luật Lao động năm 2019 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 quy định thời hạn của hợp đồng lao động đối với lao động là người giúp việc gia đình do hai bên thỏa thuận. Một bên có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng bất kỳ khi nào nhưng phải báo trước ít nhất 15 ngày.

Theo đó, đối với trường hợp nêu trên, chị Kiên có quyền chấm dứt hợp đồng lao động mặc dù chưa hết thời hạn theo thỏa thuận. Tuy nhiên, chị Kiên phải báo trước cho chị Vân biết trước ít nhất 15 ngày. Việc chị Vân không trả 01 tháng tiền lương là trái pháp luật.

**Tình huống 83. Sau khi tốt nghiệp, em Hương được nhận vào làm việc tại một Công ty của Đan Mạch có chi nhánh tại Việt Nam. Tính đến nay, em Hương đã làm được 15 tháng. Vậy theo Bộ luật Lao động hiện hành, thời gian nghỉ hằng năm của em Hương được quy định như thế nào?**

### **Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại Khoản 1, 3, 4, 5, 6, 7 Điều 113 Bộ luật Lao động năm 2019, thời gian nghỉ hằng năm của em Hương được quy định như sau:

Người lao động làm việc đủ 12 tháng cho một người sử dụng lao động thì được nghỉ hằng năm, hưởng nguyên lương theo hợp đồng lao động như sau:

- 12 ngày làm việc đối với người làm công việc trong điều kiện bình thường;

- 14 ngày làm việc đối với người lao động chưa thành niên, lao động là người khuyết tật, người làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;

- 16 ngày làm việc đối với người làm nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

Trường hợp do thôi việc, bị mất việc làm mà chưa nghỉ hằng năm hoặc chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm thì được người sử dụng lao động thanh toán tiền lương cho những ngày chưa nghỉ.

Người sử dụng lao động có trách nhiệm quy định lịch nghỉ hằng năm sau khi tham khảo ý kiến của người lao động và phải thông báo trước cho người lao động biết. Người lao động có thể thỏa thuận với người sử dụng lao động để nghỉ hằng năm thành nhiều lần hoặc nghỉ gộp tối đa 03 năm một lần.

Khi nghỉ hằng năm mà chưa đến kỳ trả lương, người lao động được tạm ứng tiền lương theo quy định tại khoản 3 Điều 101 của Bộ luật này.

Khi nghỉ hằng năm, nếu người lao động đi bằng các phương tiện đường bộ, đường sắt, đường thủy mà số ngày đi đường cả đi và về trên 02 ngày thì từ ngày thứ 03 trở đi được tính thêm thời gian đi đường ngoài ngày nghỉ hằng năm và chỉ được tính cho 01 lần nghỉ trong năm.

Chính phủ quy định chi tiết về nghỉ hằng năm theo quy định của Bộ luật Lao động năm 2019.

## CHUYÊN ĐỀ 7

### PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH COVID-19

**Tình huống 84. Hải quen biết Thuyền trong dịp sinh nhật bạn gái vào 2 năm trước. Từ đó, hai người thỉnh thoảng cùng nhóm bạn gặp nhau uống cà phê. Đầu năm 2021, khi biết tin Thuyền bị nhiễm Covid-19, Hải đã dùng tài khoản facebook của mình để đưa thông tin về việc Thuyền bị bệnh. Bên dưới phần tin có nhiều bình luận của bạn bè làm cho Thuyền thấy xấu hổ, hoang mang và lo sợ.**

**Hành vi đưa trái phép thông tin cá nhân về Thuyền bị nhiễm Covid-19 có bị xử lý hình sự hay không?**

#### **Trả lời:**

Hành vi của Hải đưa thông tin về việc Thuyền bị nhiễm bệnh Covid-19 chưa được phép của Thuyền và làm cho Thuyền thấy xấu hổ, mặc cảm về bệnh của mình nên hành vi đó bị xem là đưa thông tin trái phép xúc phạm nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm của Thuyền.

Vì vậy, hành vi của Hải sẽ bị xử lý hình sự theo quy định sau đây:

Căn cứ khoản 1.5 mục 1 Công văn số 45/TANDTC-PC ngày 30/3/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về xét xử tội phạm liên quan đến phòng, chống dịch bệnh Covid-19 quy định: “1.5. Người có hành vi đưa trái phép thông tin cá nhân, bí mật đời tư xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của nhân viên y tế, người tham gia phòng, chống dịch bệnh Covid-19, người mắc bệnh, người nghi ngờ mắc bệnh Covid-19 thì bị xử lý về tội làm nhục người khác theo quy định tại Điều 155”.

Điều 155 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội làm nhục người khác như sau:

“1. Người nào xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của người khác, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm:

- a) Phạm tội 02 lần trở lên;
- b) Đối với 02 người trở lên;
- c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
- d) Đối với người đang thi hành công vụ;
- đ) Đối với người dạy dỗ, nuôi dưỡng, chăm sóc, chữa bệnh cho mình;
- e) Sử dụng mạng máy tính hoặc mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội;

g Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:

a) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

b) Làm nạn nhân tự sát.”

Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

**Tình huống 85. Anh Kim có một Trang trên facebook, thường xuyên đăng tải các tin giật gân, video clip hot để thu hút đông đảo cộng đồng mạng vào xem nhằm tăng lượt tương tác, qua đó kiếm tiền từ Trang này. Sau khi địa phương anh Kim sinh sống thực hiện công bố dịch, do không có việc gì làm, anh Kim thấy chán, nên tung tin khu vực anh đang sống sắp bị phong tỏa vì có nhiều người bị nhiễm Covid-19. Qua đó làm cho nhiều người xung quanh hoang mang lo lắng, một số người còn truyền tai nhau về thông tin đó và rủ nhau mua sắm đồ dự trữ.**

**Hành vi của anh Kim bị xử lý như thế nào?**

**Trả lời:**

Hành vi của anh Kim là hành vi cung cấp, chia sẻ thông tin giả mạo, thông tin sai sự thật... đã vi phạm điểm a khoản 1 Điều 101 Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử (gọi tắt là Nghị định số 15/2020/NĐ-CP).

*“1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi lợi dụng mạng xã hội để thực hiện một trong các hành vi sau:*

*a) Cung cấp, chia sẻ thông tin giả mạo, thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân”*

Theo khoản 3 Điều 4 Nghị định số 15/2020/NĐ-CP quy định *“3. Mức phạt tiền quy định từ Chương II đến Chương VII tại Nghị định này được áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính của tổ chức, trừ quy định tại Điều 106 Nghị định này. Trường hợp cá nhân có hành vi vi phạm như của tổ chức thì mức phạt tiền bằng 1/2 mức phạt tiền đối với tổ chức.”*

Do đó, đối với hành vi nêu trên, ông Trần Trọng Vân sẽ bị xử phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Ngoài ra, còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là **buộc gỡ bỏ thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn hoặc thông tin vi phạm pháp luật do thực hiện hành vi vi phạm nêu trên** (Khoản 3 Điều 101 Nghị định số 15/2020/NĐ-CP).

Ngoài ra, tùy theo tính chất và mức độ của hành vi, người có hành vi đưa lên mạng máy tính, mạng viễn thông thông tin giả mạo, thông tin sai sự thật,

thông tin xuyên tạc về tình hình dịch bệnh Covid-19, gây dư luận xấu thì bị xử lý hình sự về tội đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông theo quy định tại Điều 288 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

**Tình huống 86. Ở địa phương thực hiện cách ly xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, chị Nga ở trong nhà đã 03 ngày liên tục thấy ngột ngột nên mới lấy xe máy chạy ra ngoài đường định đi dạo một chút cho tâm trạng thoải mái.**

**Vậy hành vi của chị Nga có bị vi phạm hành chính hay không và nếu bị thì xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Ngày 31/3/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 16/CT-TTg về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19. Trong Chỉ thị đã nêu: *“...Yêu cầu mọi người dân ở tại nhà, chỉ ra ngoài trong trường hợp thật sự cần thiết như mua lương thực, thực phẩm, thuốc men, cấp cứu...”*

Do đó, địa phương đang thực hiện giãn cách theo Chỉ thị số 16/CT-TTg nêu trên thì chị Nga phải chấp hành nghiêm chỉnh. Theo tình huống trên chị Nga chạy xe máy ra đường trong trường hợp không cần thiết.

Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế quy định như sau:

*“1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:*

*a) Không thực hiện biện pháp bảo vệ cá nhân đối với người tham gia chống dịch và người có nguy cơ mắc bệnh dịch theo hướng dẫn của cơ quan y tế;*

*...”*

Vì vậy, hành vi của chị Nga khi ra đường mà không có lý do chính đáng sẽ bị phạt từ 1 - 3 triệu đồng.

**Tình huống 87. Địa phương thực hiện giãn cách theo Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, nhưng vì tới ngày mừng thôi nôi tròn 1 tuổi của con trai anh Đệ, nên anh mới tổ chức một tiệc nhỏ mời các anh chị em trong gia đình họp mặt cùng chung vui với anh. Anh có dựng rạp tại 01 phần lề đường trước nhà.**

**Vậy việc tập trung đông người trong thời gian thực hiện giãn nêu trên có bị xử phạt vi phạm hành chính không?**

**Trả lời:**

Ngày 31/3/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 16/CT-TTg về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19. Trong Chỉ thị đã

nêu: “...*thực hiện nghiêm việc giữ khoảng cách tối thiểu 2m khi giao tiếp; không tập trung quá 2 người ngoài phạm vi công sở, trường học, bệnh viện và tại nơi công cộng.*”

Việc tập trung đông người theo tình huống nêu trên đã vi phạm quy định về hạn chế tập trung đông người không cần thiết.

Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 12 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế quy định như sau:

“3. *Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:*

... c) *Không thực hiện quyết định áp dụng biện pháp hạn chế tập trung đông người hoặc tạm đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ tại nơi công cộng.*”

Vì vậy, những cá nhân có hành vi tập trung đông người trong tình huống nêu trên sẽ bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

**Tình huống 88. Anh L sau khi kết thúc thời gian điều trị COVID-19 tại Bệnh viện đa khoa tỉnh C thì được xuất viện. Khi về đến nhà, do nghĩ bản thân đã khỏi hoàn toàn nên anh L không đến trạm y tế xã nơi cư trú đăng ký theo dõi sức khỏe. Hành vi cả anh L có vi phạm pháp luật không?**

**Trả lời:**

Điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế quy định:

“Điều 10. *Vi phạm quy định về phòng lây nhiễm bệnh truyền nhiễm tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh*

1. *Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:*

...

b) *Không đăng ký theo dõi sức khỏe với trạm y tế xã, phường, thị trấn nơi cư trú của người mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A sau khi ra viện hoặc kết thúc việc điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;*”.

Như vậy, sau khi kết thúc thời gian điều trị COVID-19 tại cơ sở khám, chữa bệnh, anh L phải đăng ký theo dõi sức khỏe với trạm y tế xã, phường, thị trấn nơi cư trú. Nếu vi phạm, anh L sẽ bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng theo quy định trên.

**Tình huống 89. Ủy ban nhân dân tỉnh X có Công văn về việc tạm dừng các cơ sở kinh doanh dịch vụ như quán bar, vũ trường, karaoke, dịch vụ mát-xa, cơ sở thẩm mỹ... để phòng, chống dịch bệnh COVID-19. Tuy nhiên, có một vài quán Karaoke trên địa bàn vẫn cố tình mở cửa, lén đón khách.**

**Hành vi trên sẽ bị xử lý như thế nào?**

### **Trả lời:**

Trường hợp cơ sở kinh doanh không thực hiện quyết định tạm đình chỉ hoạt động kinh doanh của Ủy ban nhân dân tỉnh X để phòng chống dịch bệnh COVID-19 là hành vi vi phạm pháp luật.

### **Về xử lý vi phạm hành chính:**

Điều c khoản 3 Điều 12 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế thì hành vi “Không thực hiện quyết định áp dụng biện pháp hạn chế tập trung đông người hoặc tạm đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ tại nơi công cộng” bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tổ chức).

### **Về truy cứu trách nhiệm hình sự:**

Theo khoản 1.3 mục 1 Công văn số 45/TANDTC-PC ngày 30/3/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về xét xử tội phạm liên quan đến phòng, chống dịch bệnh Covid-19 thì “*Chủ cơ sở kinh doanh, người quản lý cơ sở kinh doanh dịch vụ như quán bar, vũ trường, karaoke, dịch vụ mát-xa, cơ sở thẩm mỹ... thực hiện hoạt động kinh doanh khi đã có quyết định tạm đình chỉ hoạt động kinh doanh để phòng, chống dịch bệnh Covid-19 của cơ quan, người có thẩm quyền, gây thiệt hại từ 100.000.000 đồng trở lên do phát sinh chi phòng, chống dịch bệnh thì bị xử lý về tội vi phạm quy định về an toàn ở nơi đông người theo quy định tại Điều 295.*”

Cụ thể, Điều 295 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội vi phạm quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động, về an toàn ở nơi đông người như sau:

*“1. Người nào vi phạm quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động, về an toàn ở nơi đông người gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

*a) Làm chết người;*

*b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;*

*c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;*

*d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:*

*a) Làm chết 02 người;*

*b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%;*

c) Gây thiệt hại về tài sản từ 500.000.000 đồng đến dưới 1.500.000.000 đồng;

d) Là người có trách nhiệm về an toàn lao động, vệ sinh lao động, về an toàn ở nơi đông người.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 06 năm đến 12 năm:

a) Làm chết 03 người trở lên;

b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 03 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này 201% trở lên;

c) Gây thiệt hại về tài sản 1.500.000.000 đồng trở lên.

4. Vi phạm quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động, về an toàn ở nơi đông người trong trường hợp có khả năng thực tế dẫn đến hậu quả quy định tại một trong các điểm a, b và c khoản 3 Điều này nếu không được ngăn chặn kịp thời, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”

Như vậy, tùy tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà có thể bị phạt tù đến tối đa 12 năm. Ngoài ra, còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đến 50 triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1 đến 5 năm.

**Tình huống 90. Tại một chốt kiểm soát dịch bệnh, do tình hình dịch Covid-19 đang diễn biến hết sức phức tạp nên khi mọi người đi ngang phải khai báo y tế và test nhanh Covid-19. Tuy nhiên, Thanh và Lý đi ngang chốt kiểm dịch, không chấp hành đồng thời còn có lời nói, hành động đe dọa, lăng mạ, xúc phạm đối với cán bộ thi hành công vụ phòng, chống dịch bệnh Covid-19 tại chốt. Trong trường hợp này Thanh và Lý sẽ bị xử lý như thế nào?**

**Trả lời:**

Căn cứ khoản 2 Điều 20 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình quy định hành vi cản trở, chống lại việc thanh tra, kiểm tra, kiểm soát của người thi hành công vụ hoặc đưa hối lộ người thi hành công vụ như sau:

“2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cản trở hoặc không chấp hành yêu cầu thanh tra, kiểm tra, kiểm soát của người thi hành công vụ;



b) Có lời nói, hành động đe dọa, lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm người thi hành công vụ;

c) Xúi giục, lôi kéo hoặc kích động người khác không chấp hành yêu cầu thanh tra, kiểm tra, kiểm soát của người thi hành công vụ.”

Ngoài ra, căn cứ khoản 1.9 mục 1 Công văn số 45/TANDTC-PC ngày 30/3/2020 của Hội đồng thẩm phán TANDTC về xét xử tội phạm liên quan đến phòng, chống dịch bệnh Covid-19 quy định: *Người có hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ trong phòng, chống dịch bệnh Covid-19 thì bị xử lý về “Tội chống người thi hành công vụ” theo quy định tại Điều 330 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).*

Cụ thể Điều 330 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về **Tội chống người thi hành công vụ** như sau:

“1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ của họ hoặc ép buộc họ thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

c) Xúi giục, lôi kéo, kích động người khác phạm tội;

d) Gây thiệt hại về tài sản 50.000.000 đồng trở lên;

đ) Tái phạm nguy hiểm.”

Vì vậy, tùy vào mức độ, hậu quả vi phạm, Thanh và Lý có thể bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 330 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về tội chống người thi hành công vụ.

## MỤC LỤC

<b>STT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
1	<b>LỜI NÓI ĐẦU</b>	
2	<b>PHẦN I: LÝ THUYẾT</b>	<b>2</b>
3	Chuyên đề 1: Pháp luật về thanh niên	2
4	Chuyên đề 2: Pháp luật về phòng, chống HIV/AIDS	9
5	<b>PHẦN II: TÌNH HUỐNG PHÁP LUẬT</b>	<b>17</b>
6	Chuyên đề 1: Pháp luật Hình sự	17
7	Chuyên đề 2: Pháp luật về an toàn giao thông	28
8	Chuyên đề 3: Pháp luật về dân sự	35
9	Chuyên đề 4: Pháp luật về phòng, chống tác hại của rượu, bia	46
10	Chuyên đề 5: Pháp luật về hôn nhân và gia đình; Phòng chống bạo lực gia đình	52
11	Chuyên đề 6: Pháp luật về lao động	62
12	Chuyên đề 7: Pháp luật về phòng, chống dịch bệnh COVID-19	73